

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

**NGUYỄN THỊ PHÚC TUY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Phòng - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NGUYỄN THỊ PHÚC TUY**

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC**  
**HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU**  
**CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC III**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**MÃ SỐ: 60340102**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS.TS. Phan Thế Công**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ bài luận nào khác.

Tác giả xin cam đoan rằng các trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc.

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2018*

**Tác giả**

*Nguyễn Thị Phúc Tuy*

## LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, tác giả xin chân thành cảm ơn thầy PGS.TS. Phan Thế Công đã tận tình hướng dẫn, tạo điều kiện cho được tìm hiểu sâu về những lĩnh vực quản lý nói chung và những vấn đề liên quan đến quản lý nhân lực nói riêng. Bằng sự nhiệt tình cùng với kiến thức chuyên môn sâu rộng đã giúp tác giả hoàn thiện bài luận văn này.

Tác giả cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công chức Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Khu vực 3 đã cung cấp các số liệu thực tế và những kinh nghiệm quý báu giúp tác giả hoàn thành luận văn này.

Mặc dù bài luận văn đã được hoàn thành và đạt mục đích đề ra của đề tài, tuy nhiên do hiểu biết của bản thân về lý luận và thực tế còn giới hạn, tài liệu tham khảo còn ít nên luận văn này không tránh khỏi những chỗ còn thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ các thầy, cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2018*

**Tác giả**

*Nguyễn Thị Phúc Tuy*

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	1
LỜI CẢM ƠN.....	iii
MỤC LỤC .....	iv
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU .....	vii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	viii
DANH MỤC CÁC HÌNH .....	ix
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ.....	6
1.1. KHÁI NIỆM VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN .....	6
1.1.1. Thủ tục hải quan.....	6
1.1.2. Thủ tục hải quan truyền thống .....	6
1.1.3. Khái niệm về thủ tục hải quan điện tử .....	6
1.2. VAI TRÒ VÀ LỢI ÍCH CỦA THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ.....	9
1.2.1. Vai trò của thủ tục hải quan điện tử.....	9
1.2.2. Lợi ích của thủ tục hải quan điện tử .....	10
1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ .....	11
1.3.1. Yếu tố quốc tế .....	11
1.3.2. Yếu tố quốc gia.....	11
1.3.3. Yếu tố ngành Hải quan .....	11
1.4. MÔ HÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ .....	12
1.5. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ.....	14
1.5.1. Tiêu chí cơ chế, chính sách .....	14
1.5.2. Tiêu chí nguồn nhân lực .....	14
1.5.3. Tiêu chí cơ sở vật chất kỹ thuật .....	14
1.5.4. Tiêu chí về quy trình thủ tục hải quan điện tử.....	14
1.5.5. Tiêu chí quản lý rủi ro .....	15
CHƯƠNG 2 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG.....	16
KHU VỰC 3 .....	16

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....	16
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3 .....	16
2.1.2. Chức năng nhiệm vụ .....	18
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	20
2.2. ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM .....	21
2.2.1. Cơ sở pháp lý quốc tế về thủ tục hải quan điện tử .....	21
2.2.2. Cơ sở pháp lý Quốc gia về thủ tục hải quan điện tử .....	24
2.3. ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT PHỤC VỤ CHO THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....	26
2.4. ĐÁNH GIÁ VỀ NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....	28
2.4.1. Đánh giá về nguồn nhân lực theo trình độ chuyên môn .....	28
2.4.2. Đánh giá về nguồn nhân lực theo độ tuổi .....	29
2.5. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....	31
2.5.1. Giới thiệu chung về hệ thống thông quan điện tử và cơ chế một cửa quốc gia (Hệ thống VNACCS/VCIS) .....	32
2.5.2. Các bước thực hiện quy trình thủ tục hải quan điện tử .....	34
2.5.3. Đánh giá các bước quy trình .....	39
2.6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....	43
2.7. ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU, KHÓ KHĂN, BẤT CẬP ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 ....	47

2.7.1. Thành tựu.....	47
2.7.2. Những khó khăn, bất cập.....	53
2.7.3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc về thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.....	57
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC... 65</b>	
<b>HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....</b>	<b>65</b>
<b>3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ CỦA NGÀNH HẢI QUAN VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ CỦA CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3.....</b>	<b>65</b>
3.1.1 Định hướng chung .....	65
3.1.2. Định hướng chi tiết .....	65
3.1.3. Xây dựng kế hoạch cho triển khai giai đoạn 2 của dự án thủ tục hải quan điện tử một cửa quốc gia VNACCS/VCIS.....	67
<b>3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3 .....</b>	<b>68</b>
3.2.1. Biện pháp hoàn thiện về cơ chế, chính sách .....	69
3.2.2. Biện pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu .....	70
3.2.3. Biện pháp cải tiến về cơ sở vật chất kỹ thuật .....	71
3.2.4. Biện pháp cải tiến về phối kết hợp điện tử giữa ngành Hải quan và các Bộ, Ngành có liên quan.....	72
3.2.5. Biện pháp áp dụng các công cụ hỗ trợ hoạt động thông quan điện tử được hiệu quả. ....	73
3.2.6. Biện pháp xây dựng đối tác Hải quan - Doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử.....	73
3.2.7. Biện pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực.....	75
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>77</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>79</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU

<i>Chữ viết tắt</i>	<i>Giải thích</i>
QLRR	Quản lý rủi ro
XNK	Xuất nhập khẩu
TTHQĐT	Thủ tục Hải quan điện tử
CNTT	Công nghệ thông tin
TTDL	Trung tâm dữ liệu
VINACCS	Hệ thống thông quan điện tử
E - CUSTOM	Hệ thống quản lý giám sát
CBCC	Cán bộ công chức
DNXNK	Doanh nghiệp xuất nhập khẩu
NSNN	Ngân sách nhà nước



## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Số tờ khai luồng xanh từ năm 2013 - 2017 .....	39
tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	39
Bảng 2.2. Số tờ khai luồng vàng từ năm 2013-2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	40
Bảng 2.3. Số tờ khai luồng đỏ từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	42
Bảng 2.4. Tổng số tờ khai, Kim ngạch XNK và Tổng số thuế phải nộp từ 2013 - 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	44

## DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Mô hình hệ thống thông quan điện tử .....	13
Hình 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	21
Hình 2.2. Tỷ lệ nguồn nhân lực Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 theo trình độ chuyên môn.....	29
Hình 2.3. Tỷ lệ nguồn nhân lực Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 theo độ tuổi. ....	29
Hình 2.4. Sơ đồ tổng quan về cơ chế hoạt động của Hệ thống VNACCS/VCIS .....	32
Hình 2.5. Sơ đồ cơ chế hoạt động của VCIS .....	34
Hình 2.6. Mô hình quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS .....	37
Hình 2.7: Mô hình quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS .....	38
Hình 2.8: Mô hình quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS .....	38
Hình 2.9. Số tờ khai luồng xanh tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	39
Hình 2.10. Số tờ khai luồng vàng từ tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.....	41
Hình 2.11. Số tờ khai luồng đỏ tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 .....	42
Hình 2.12. Tổng số tờ khai từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.....	45
Hình 2.13. Kim ngạch XNK từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.....	45
Hình 2.14. Thuế XNK phải nộp từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.....	46

## MỞ ĐẦU

### **1. Tính cấp thiết của đề tài:**

Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã đưa ra đường lối đổi mới, chính sách mở cửa, nền kinh tế của đất nước ta đã không ngừng phát triển và đạt được những thành tựu to lớn. Cùng với sự phát triển chung đó, hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng đã và đang từng bước đổi mới, cải cách thủ tục hành chính nhằm đáp ứng tốc độ phát triển và hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động.

Việc triển khai chính thức thủ tục Hải quan điện tử không chỉ mang lại lợi ích cho Người khai hải quan hay còn gọi cách khác là Doanh nghiệp và cơ quan Hải quan mà còn mang lại lợi ích cho toàn xã hội. Thủ tục hải quan điện tử được vận hành từ năm 2005, so với thủ tục hải quan truyền thống, thủ tục hải quan điện tử trong thời gian qua đã mang lại cho các doanh nghiệp nhiều lợi ích thiết thực như: Doanh nghiệp không phải đến trụ sở của cơ quan hải quan mà có thể khai hải quan tại bất cứ địa điểm nào, bất cứ thời gian nào có máy tính kết nối mạng internet và được thông quan ngay đối với lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Việc này giúp Doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại làm thủ tục, thông qua đó tăng cường khả năng cạnh tranh của Doanh nghiệp. Đối với những Doanh nghiệp ưu tiên, việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử còn được hưởng những lợi ích như được sử dụng tờ khai Hải quan tạm để giải phóng hàng; được hoàn thành thủ tục thông quan trên cơ sở sử dụng tờ khai Hải quan điện tử một lần/1 tháng cho tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thường xuyên với cùng một đối tác, cùng một loại hình xuất khẩu, nhập khẩu, đã được giải phóng hàng theo các tờ khai Hải quan tạm trước đó.

Trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử, Tổng cục Hải quan đã không ngừng hoàn thiện các chương trình phần mềm và hạ tầng cơ sở thông tin cũng như tăng cường cải cách thủ tục hành chính. Thủ tục hải quan điện tử lần đầu là phiên bản 3.0 sau đó được nâng cấp lên phiên bản 4.0. Qua mỗi lần nâng

cấp thủ tục Hải quan điện tử đã đem lại nhiều tiện ích cho toàn Ngành Hải quan và cộng đồng Doanh nghiệp. Tuy nhiên, trước yêu cầu hiện đại hóa ngành hải quan, đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi tối đa cho Doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về Hải quan trong bối cảnh chung đất nước Việt Nam chúng ta ngày càng hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới thì vấn đề then chốt là cần phải thiết lập hệ thống công nghệ thông tin nhanh hơn, mạnh hơn, ổn định hơn và an toàn hơn.

Dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến của Hệ thống thông quan tự động NACCS/CIS được áp dụng hiệu quả trên đất nước Nhật Bản. Ngày 25/03/2014 Tổng cục Hải quan đã ban hành quyết định số 865/QĐ-TCHQ về việc Ban hành Kế hoạch triển khai hệ thống VNACCS/VCIS thuộc Dự án triển khai thực hiện Hải quan điện tử và một cửa quốc gia nhằm hiện đại hóa trong toàn Ngành Hải quan. Tháng 4/2014, hệ thống thông quan tự động và cơ chế một cửa quốc gia do Nhật Bản tài trợ VNACCS/VCIS đã chính thức đi vào vận hành trước tại một số Cục Hải quan như: Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bình Dương... và bước đầu ghi nhận đây là những tín hiệu tốt, bước đột phá trong công cuộc hiện đại hóa đó là thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Việc chuyển đổi thực hiện thủ tục hải quan điện tử trên phiên bản thông quan tự động 4.0 sang VNACCS/VCIS không chỉ là bước đi quan trọng trong lộ trình hiện đại hóa của Hải quan Việt Nam và tiến tới thực hiện Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia, kết nối Cơ chế một cửa ASEAN mà còn mang lại cho các Doanh nghiệp nhiều lợi ích to lớn. Đây là một bước đột phá lớn, quan trọng của Ngành Hải quan trong công cuộc cải cách thủ tục hành chính. Qua thời gian thực hiện, Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng thấy thủ tục hải quan điện tử trên hệ thống thông quan hàng hóa tự động VNACCS/VCIS là một hình thức thủ tục mới có nhiều ưu điểm hơn so với thủ tục hải quan điện tử truyền thống. Hệ thống VNACCS/VCIS được thực hiện tự động hóa ở cấp độ cao nên hiệu quả công tác quản lý, công tác thống kê báo cáo của Ngành Hải quan nói chung và Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng nói riêng cũng được nâng cao hơn, tạo thuận lợi cho các Doanh nghiệp gấp nhiều lần so với trước đây, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nhân lực,

thông quan hàng hóa nhanh chóng, giảm bớt thủ tục giấy tờ, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho Doanh nghiệp.

Việc triển khai và vận hành thủ tục hải quan điện tử trên hệ thống thông quan hàng hóa tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng nói chung và Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực 3 nói riêng. Bên cạnh những ưu điểm đã được nêu trên, cũng còn có những vướng mắc, khó khăn hạn chế cần phải khắc phục để hoàn thiện và phát triển thủ tục Hải quan điện tử trên hệ thống thông quan hàng hóa tự động VNACCS/VCIS nhằm đạt được hiệu quả tối ưu, áp dụng phù hợp với Ngành Hải quan Việt nam, Cục Hải quan Thành phố Hải phòng nói chung và Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3 nói riêng. Để giảm thiểu những bất cập trên, việc **“Nâng cao chất lượng thủ tục Hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3”** là cần thiết và cấp bách.

## **2. Mục đích nghiên cứu của luận văn**

Mục đích nghiên cứu của luận văn nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về thủ tục Hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3 (đặc biệt hệ thống thông quan tự động VNACCS /VCIS). Đánh giá thực trạng kết quả hoạt động thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục, tìm ra những bất cập và nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả công tác, để từ đó đề ra ***một số biện pháp nâng cao chất lượng thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3.***

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

*Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn nghiên cứu thực trạng thủ tục hải quan điện tử đang được áp dụng tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3.

*Phạm vi nghiên cứu:* Nghiên cứu Thủ tục hải quan điện tử được áp dụng tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3 từ năm 2013 - 2017, để đáp ứng mọi hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa ngày một tăng cao cả về lượng và chất.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê; Phương pháp phân tích; Phương pháp tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp mô tả; Phương pháp dự báo; Phương pháp đánh giá, xác định;... nhằm giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

*Ý nghĩa khoa học:* Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về thủ tục hải quan điện tử nói chung và thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3 nói riêng.

*Ý nghĩa thực tiễn:* Luận văn đã đánh giá thực trạng thủ tục hải quan điện tử đang được áp dụng hiện nay, trên cơ sở đó tìm ra những điểm khó khăn bất cập và nguyên nhân của những bất cập này làm cơ sở nâng cao chất lượng thủ tục Hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3. Những biện pháp đề xuất trong luận văn là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tế nhằm hướng tới hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan để có thể đáp ứng nhiệm vụ quản lý của Ngành Hải quan trong thời kỳ mới.

Luận văn không những hướng tới việc quản lý theo phân cấp của các cán bộ lãnh đạo khi thực hiện nhiệm vụ mà còn giúp trang bị cho các cán bộ hải quan chuyên trách, các cán bộ xuất nhập khẩu, những người có liên quan và quan tâm đến thủ tục hải quan xuất nhập khẩu hàng hóa, các kiến thức cơ bản trong công việc có hiệu quả, góp phần đẩy nhanh quá trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại đơn vị công tác, góp phần đẩy mạnh công cuộc cải cách, phát triển hiện đại hóa một cách mạnh mẽ, toàn diện tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu thương mại và phát triển kinh tế ổn định, bền vững.

#### **6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Tổng quan về thủ tục hải quan điện tử.

Chương 2: Đánh giá thực trạng hoạt động thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3.

Chương 3: Một số biện pháp nâng cao chất lượng thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

#### 1.1. KHÁI NIỆM VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

##### *1.1.1. Thủ tục hải quan*

*Theo định nghĩa tại chương 2 công ước Kyoto:* “Thủ tục hải quan là tất cả các hoạt động mà cơ quan Hải quan và những người có liên quan phải thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật Hải quan” [6, tr.79].

*Theo quy định tại khoản 23, điều 4 của Luật Hải quan:* “Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai Hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải”. Như vậy người khai hải quan phải có trách nhiệm khai tờ khai hải quan, cơ quan hải quan phải tiếp nhận hồ sơ hải quan và tiến hành phân tích, xử lý thông tin để đưa ra mức độ kiểm tra từ miễn kiểm tra tới kiểm tra toàn bộ hồ sơ và kiểm tra hàng hóa [3, tr.79].

##### *1.1.2. Thủ tục hải quan truyền thống*

Là thủ tục hải quan được thực hiện bằng hình thức thủ công và bắt đầu có sự ứng dụng cơ giới hóa (bằng fax, điện tín và kiểm tra hành lý, hàng hóa bằng máy soi đơn giản) trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và xuất nhập cảnh phương tiện vận tải ở mỗi quốc gia.

Tiến hành thực hiện thủ tục hải quan theo phương pháp truyền thống, người khai hải quan phải đến trực tiếp trụ sở hải quan để nộp toàn bộ hồ sơ giấy để cơ quan hải quan kiểm tra. Tại đó, công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra, đối chiếu bộ hồ sơ xuất nhập khẩu với các quy định của Nhà nước về Hải quan như áp mã, tính thuế, áp dụng các thông tin về quản lý rủi ro để đưa ra mức độ kiểm tra. Tuy nhiên toàn bộ quá trình thực hiện của cán bộ Hải quan cũng như Doanh nghiệp đều phải thực hiện thủ công.

##### *1.1.3. Khái niệm về thủ tục hải quan điện tử*

Khoản 2, Điều 8 - Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 quy định: “*Chính phủ quy định cụ thể về hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật*



*trao đổi số liệu điện tử, giá trị pháp lý các chứng từ điện tử, trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan nhà nước hữu quan, tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh trong việc xây dựng, phát triển, khai thác hệ thống thông tin máy tính hải quan”;*

Khoản 3, Điều 20 - Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 quy định: *“Người khai hải quan được sử dụng hình thức khai điện tử”*.

Khoản 2, Điều 29 - Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 quy định: *“Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử”*.

Khoản 3, Điều 30 - Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 quy định: *“Tờ khai hải quan điện tử được đăng ký theo phương thức điện tử”* [1], [2], [3,tr79].

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại quy định: *“Thủ tục hải quan điện tử là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan* [5,tr.79].

Như vậy, **Thủ tục hải quan điện tử**: là thủ tục Hải quan trong đó việc khai báo, tiếp nhận, ra quyết định, xử lý thông tin khai hải quan được thực hiện bằng các phương tiện điện tử thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan Hải quan. Nhằm hoàn thành các thủ tục hải quan cần thiết thông qua phương tiện điện tử để cho phép hàng hóa được nhập khẩu vào trong nước hay được xuất khẩu ra nước ngoài.

***Các thuật ngữ trong hải quan điện tử được giải thích như sau:***

***Thông điệp dữ liệu điện tử hải quan:*** Là thông tin được tạo ra, gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

*Chứng từ hải quan điện tử*: Là chứng từ tạo ra theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Chương I Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính được sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

*Hệ thống thông tin*: Là hệ thống được sử dụng để tạo, gửi, nhận, lưu trữ hoặc xử lý các thông điệp dữ liệu.

*Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan*: Là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, được sử dụng để tiếp nhận, lưu trữ, xử lý và phản hồi các thông điệp dữ liệu điện tử hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

*Chữ ký điện tử trong thủ tục hải quan điện tử*: là dấu hiệu ở dạng từ được tạo ra bởi một phương tiện điện tử gắn với thông điệp điện tử nhằm mục đích xác nhận người sở hữu thông điệp đó.

*Khai hải quan điện tử*: Là việc tạo, gửi, nhận, lưu trữ nội dung thông tin hải quan bằng phương tiện điện tử sử dụng kỹ thuật trao đổi dữ liệu điện tử.

*Tờ khai điện tử*: Là chứng từ hải quan điện tử bao gồm các tiêu thức do Bộ Tài chính quy định để sử dụng làm thủ tục hải quan điện tử và làm căn cứ cho các hoạt động quản lý nhà nước khác có liên quan.

*Lệnh thông quan điện tử*: Là chứng từ điện tử bao gồm các tiêu thức do cơ quan hải quan quy định, Lệnh thông quan điện tử do hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông báo và hướng dẫn cho người khai hải quan thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa khi tờ khai điện tử được chấp nhận đăng ký.

*Tổ chức cung cấp truyền nhận chứng từ hải quan điện tử*: (gọi tắt là VAN): Là tổ chức có đủ điều kiện đảm bảo về năng lực công nghệ thông tin làm trung gian trao đổi dữ liệu hải quan điện tử theo chuẩn mực thống nhất do cơ quan hải quan quy định.

*Thời gian tiếp nhận dữ liệu khai hải quan điện tử*: là 24/24 giờ, 7 ngày/tuần (trừ ngày lễ tết và thời gian đặc biệt do cơ quan Hải quan thông báo trước).

*Giao dịch hải quan điện tử*: (gọi tắt là giao dịch) giữa cơ quan hải quan và người khai bao gồm: Giao dịch khai hải quan điện tử: là quá trình khai hải quan

điện tử và trao đổi các thông điệp dữ liệu giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan điện tử; Giao dịch điều chỉnh thuế: là quá trình cơ quan hải quan thông báo về việc điều chỉnh tăng (giảm) số thuế phải nộp và trao đổi các thông điệp dữ liệu giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan điện tử; Giao dịch xử lý vi phạm: là quá trình cơ quan hải quan thông báo về việc xử lý vi phạm và trao đổi thông điệp dữ liệu giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan điện tử và Các giao dịch khác: là quá trình trao đổi thông điệp dữ liệu giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan điện tử.

## **1.2. VAI TRÒ VÀ LỢI ÍCH CỦA THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ**

### ***1.2.1. Vai trò của thủ tục hải quan điện tử***

Cải cách hiện đại hóa là xu hướng hoạt động tất yếu của quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về hải quan nói riêng, phù hợp với định hướng phát triển của Hải quan thế giới và khu vực. Trong thời gian vừa qua, ngành Hải quan đã đẩy mạnh nỗ lực cải cách hiện đại hóa, thực hiện thông quan điện tử chính là thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, đồng thời cũng là bước chuẩn bị quan trọng cho hàng loạt các hoạt động hiện đại hóa ngành Hải quan sau này.

Thực hiện thông quan điện tử là bước chuẩn bị nguồn nhân lực và kinh nghiệm thực tế, từ đó góp phần bảo đảm tính hiệu quả của quá trình thực hiện kết quả đầu ra của Dự án Hiện đại hóa Hải quan do Ngân hàng Thế giới (Dự án WB) tài trợ. Như vậy, việc triển khai thực hiện thông quan điện tử không mâu thuẫn với việc triển khai Dự án WB. Mục đích cơ bản của thực hiện thí điểm thông quan điện tử là nhằm giúp tổng kết kinh nghiệm, tìm tòi, thử nghiệm mô hình phù hợp, giúp cho việc triển khai chính thức của Dự án WB đỡ mất thời gian và kinh phí thử nghiệm.

Ngoài ra, việc thực hiện thí điểm thông quan điện tử cũng còn tạo cơ sở để tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý hải quan nhằm tiến đến ứng dụng những phương thức quản lý hải quan hiện đại, là tiền đề để triển khai cơ chế một cửa quốc gia và góp phần thúc đẩy phát triển thương mại điện tử.

### ***1.2.2. Lợi ích của thủ tục hải quan điện tử***

#### **\* Đối với cơ quan Hải quan**

Việc khai báo dữ liệu điện tử cho phép cơ quan hải quan sử dụng công cụ quản lý rủi ro để đánh giá tính chất của từng lô hàng, qua đó đưa ra các quyết định kiểm tra phù hợp (Luồng xanh: chấp nhận thông quan theo khai báo của người khai hải quan, Luồng vàng: kiểm tra chi tiết hồ sơ, Luồng đỏ: kiểm tra hồ sơ và thực tế hàng hóa).

Thông quan điện tử góp phần đẩy mạnh công tác cải cách phát triển và hiện đại hóa hải quan, chuyển đổi từ phương thức quản lý hải quan thủ công sang phương thức quản lý hiện đại với sự trợ giúp của phương tiện điện tử, đồng thời thực hiện đúng các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với định hướng phát triển của Hải quan thế giới và khu vực.

Thông quan điện tử góp phần đảm bảo việc thống nhất, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian thông quan và hạn chế việc tiếp xúc của công chức hải quan với người làm thủ tục hải quan, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan.

#### **\* Đối với người khai hải quan**

Người khai hải quan được khai hải quan tại bất cứ địa điểm nào có máy tính kết nối mạng internet và được thông quan ngay đối với lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, đồng thời được sử dụng tờ khai điện tử in từ hệ thống của người khai hải quan, ký và đóng dấu của doanh nghiệp để đi xuất hàng, nhận hàng và làm chứng từ vận chuyển hàng hóa trên đường đối với các lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.

Người khai hải quan có thể khai báo hải quan bất kì lúc nào và được cơ quan hải quan tiếp nhận khai báo trong giờ hành chính, được quyền ưu tiên thứ tự kiểm tra đối với các lô hàng phải kiểm tra chi tiết hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa. Bên cạnh đó, người khai hải quan cũng được cơ quan hải quan cung cấp thông tin về quá trình xử lý hồ sơ hải quan điện tử thông qua hệ thống xử lý

dữ liệu điện tử hải quan, từ đó góp phần giảm bớt tiêu cực nảy sinh từ nhân viên làm thủ tục của người khai hải quan.

Người khai hải quan được cơ quan hải quan hỗ trợ đào tạo, cung cấp phần mềm khai báo hải quan điện tử và tư vấn trực tiếp miễn phí, được lựa chọn nộp lệ phí làm thủ tục hải quan cho từng tờ khai hoặc nộp lệ phí theo tháng. Đối với các hồ sơ thanh khoản hợp đồng gia công và nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu đơn giản, doanh nghiệp không phải nộp những chứng từ điện tử đã được lưu tại cơ quan hải quan như trong thủ tục hải quan truyền thống. Thông tin giữa hệ thống của hải quan và doanh nghiệp được quản lý đồng bộ trên máy tính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin.

Từ những lợi ích trên sẽ giúp người khai hải quan giảm thời gian, chi phí làm thủ tục hải quan và có thể chủ động trong quá trình khai báo hải quan, sắp xếp thời gian đi nhận hàng.

### **1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ**

#### ***1.3.1. Yếu tố quốc tế***

Xu thế và sức ép của hội nhập quốc tế: tạo cho các quốc gia cơ hội, thuận lợi mới để phát triển, đồng thời là thách thức và sức ép buộc các quốc gia phải cải cách mạnh mẽ để tham gia sân chơi, luật chơi chung; Sự giúp đỡ, hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức quốc tế, các đối tác hợp tác: hỗ trợ, hợp tác giữa các quốc gia và tổ chức quốc tế để đảm bảo sức mạnh trong áp dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại.

#### ***1.3.2. Yếu tố quốc gia***

Sự quyết tâm chính trị được cụ thể hóa trong xây dựng chính sách, hệ thống cơ sở pháp lý để làm nền tảng thực hiện và quyết định đầu tư nguồn lực của cả Nhà nước, doanh nghiệp nhằm tạo ra động lực mới cho sự phát triển đất nước.

#### ***1.3.3. Yếu tố ngành Hải quan***

Tư duy nhận thức và quan điểm của lãnh đạo ngành hải quan về áp dụng TTHQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại: nhận thức đúng tầm quan trọng của vấn đề này và với quyết tâm cao, đầu tư thỏa đáng thì sẽ thúc đẩy việc

sớm áp dụng TTHQĐT có hiệu quả; ngược lại, sẽ cản trở làm chậm tiến độ, lộ trình áp dụng TTHQĐT.

Cơ cấu bộ máy, trình độ tổ chức: thủ tục hải quan điện tử có đặc điểm rút ngắn khoảng cách địa lý hành chính, do đó cần phải có bộ máy tổ chức tốt quản lý chặt chẽ theo hướng tập trung, thống nhất hiệu quả mà cơ cấu bộ máy tổ chức kiểu truyền thống không thể đáp ứng được.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học công nghệ của các cơ quan hải quan: đây là điều kiện cực kỳ quan trọng, sẽ giúp tiết kiệm được thời gian xử lý các công việc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện nhanh thủ tục hải quan, thông quan hàng hoá, đặc biệt là trong hiện thủ tục hải quan điện tử.

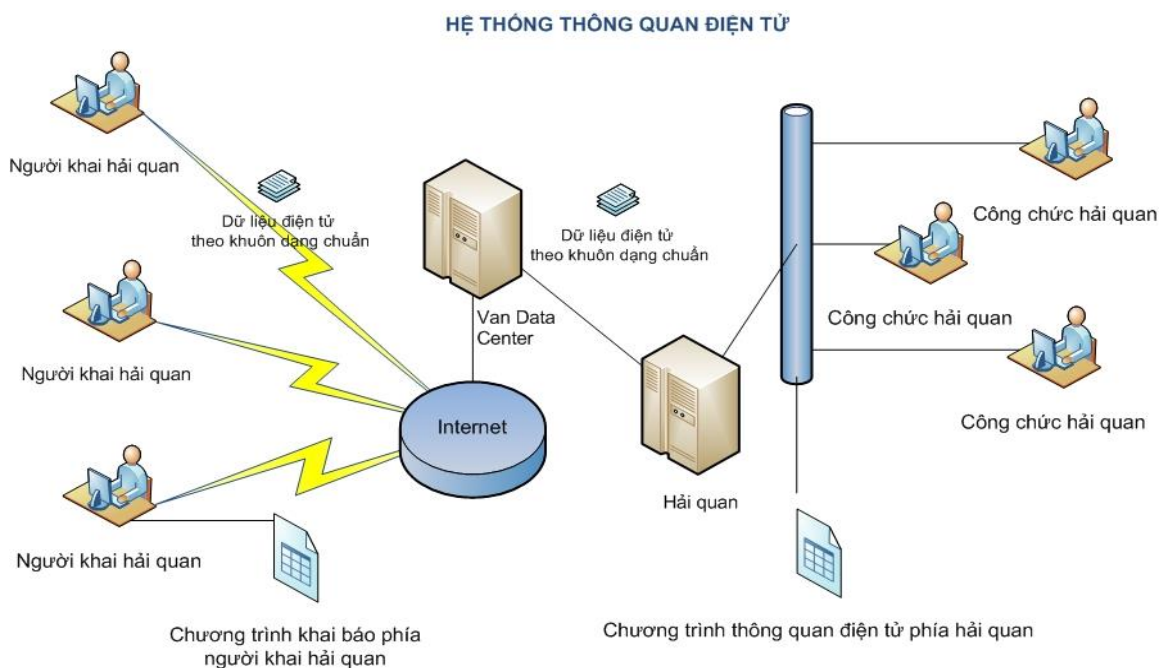
Nguồn nhân lực cơ quan hải quan: đổi mới hiện đại hóa hải quan, nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử là vấn đề cốt yếu để đảm bảo cho mọi thành công trong cải cách hiện đại hóa và ứng dụng TTHQĐT.

#### **1.4. MÔ HÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ**

TTHQĐT được thực hiện trên hệ thống dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan:

Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, được sử dụng để tiếp nhận, lưu trữ, xử lý và phản hồi các thông điệp dữ liệu điện tử của cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Ngoài ra, TTHQĐT còn đảm bảo được xây dựng trên nguyên tắc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về tờ khai hải quan, chứng từ hải quan và các nguyên tắc trao đổi dữ liệu điện tử; dựa trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật trong quản lý hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Mô hình hệ thống thông quan điện tử được mô tả theo hình 1.1 sau:



(Nguồn: <http://www.ecus.com.vn/Default.aspx?tabid=111&EntryID=36>)

### Hình 1.1: Mô hình hệ thống thông quan điện tử

Người khai hải quan thực hiện khai báo điện tử dựa trên khuôn dạng chuẩn sau đó truyền thông tin qua mạng Internet đến Nhà cung cấp dịch vụ truyền/nhận dữ liệu điện tử Hải quan (C-VAN là bên trung gian đảm bảo cho việc truyền nhận dữ liệu giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan diễn ra nhanh chóng, an toàn) sau đó C-VAN sẽ truyền dữ liệu nhận được tới máy chủ của hải quan, từ đó hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ tiến hành xử lý thông tin và ra quyết định đối với hàng hóa và công chức hải quan sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục nghiệp vụ theo yêu cầu.

TTHQĐT được thực hiện trên Chương trình phần mềm khai hải quan điện tử ECUS, đây là công cụ dùng để giúp hải quan và doanh nghiệp thực hiện quy trình TTHQĐT. Doanh nghiệp chỉ cần cài đặt phần mềm này lên máy tính sau đó khai thác các thông tin theo quy định của Hải quan như tờ khai, kê khai trị giá, chứng nhận xuất xứ, vận tải đơn, giấy phép,... gửi toàn bộ thông tin kê khai điện tử và các chứng từ hải quan điện tử khác đến Chi cục Hải quan, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận và gửi thông báo hướng dẫn thủ tục hải quan cho doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ tiếp nhận thông tin trả lời từ cơ quan hải quan như: tờ khai có được chấp nhận hay không, số tờ khai, hình thức

thông quan, thông báo thuế.... Sau khi nhận được các thông tin này doanh nghiệp thực hiện các bước tiếp theo quy định thủ tục.

## **1.5. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ**

### ***1.5.1. Tiêu chí cơ chế, chính sách***

Đây là tiêu chí đầu tiên, là hành lang pháp lý để thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Các văn bản luật pháp quy định về thủ tục hải quan điện tử như Luật Hải quan, Luật giao dịch điện tử, Luật thuế XNK, Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Để thực hiện thủ tục Hải quan điện tử, ngành Hải quan phải xây dựng phần mềm, xây dựng chính sách luật pháp để thực hiện, các văn bản quy trình ban hành phải phù hợp và có tính thực tiễn cao.

### ***1.5.2. Tiêu chí nguồn nhân lực***

Là tiêu chí trọng tâm mà ngành hải quan xác định để phục vụ thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng công chức để triển khai thủ tục đáp ứng được nhiệm vụ trong từng thời kỳ, sắp xếp bố trí cán bộ công chức một cách hợp lý, phù hợp ở từng khâu nghiệp vụ nhằm mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

### ***1.5.3. Tiêu chí cơ sở vật chất kỹ thuật***

Để thực hiện TTHQĐT công cụ chính là hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT bao gồm hệ thống mạng và hệ thống thiết bị. Cụ thể: Hệ thống các phần mềm quản lý thông tin được quản lý tập trung, thống nhất từ Tổng cục Hải quan xuống các Cục Hải quan và các Chi cục trực thuộc. Hệ thống thông quan điện tử và các hệ thống vệ tinh như Hệ thống Kế toán thuế, Hệ thống quản lý giám sát cài đặt tới các điểm làm thủ tục hải quan thuộc các Chi cục. Tổng cục Hải quan trang bị đủ thiết bị CNTT như máy chủ, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị lưu trữ, máy trạm, máy in, UPS, thiết bị phụ trợ CNTT...tới tất cả các đơn vị. Mặt khác ứng dụng có hiệu quả CNTT vào hoạt động nghiệp vụ hải quan nhằm đảm bảo đủ trang thiết bị cho công chức thực hiện nhiệm vụ.

### ***1.5.4. Tiêu chí về quy trình thủ tục hải quan điện tử***

Quy trình TTHQĐT rất quan trọng trong thực hiện TTHQĐT, thủ tục được đơn giản hóa, chuẩn hóa, áp dụng tối đa CNTT nên vừa giảm tải áp lực



công việc cho cán bộ, công chức, vừa hỗ trợ tối đa công tác giám sát, quản lý của cơ quan Hải quan đối với hàng hóa XNK. Mặt khác đối với doanh nghiệp giảm thời gian thông quan hàng hóa, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nhân lực cho doanh nghiệp.

#### ***1.5.5. Tiêu chí quản lý rủi ro***

Trong quản lý hải quan hiện đại, việc áp dụng phương pháp quản lý rủi ro (QLRR) được coi là khâu quan trọng. QLRR có thể xác định trọng điểm các đối tượng tiềm ẩn nguy cơ cao về buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, gây thất thu ngân sách, để từ đó cơ quan hải quan có biện pháp xử lý ngăn ngừa hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan...”. Nhận thức được tầm quan trọng của QLRR là nhiệm vụ cốt lõi trong kế hoạch tổng thể về cải cách, phát triển hiện đại hoá, ngành Hải quan triển khai và áp dụng triệt để QLRR trong thủ tục hải quan điện tử.

Thực hiện nội dung trên, kiện toàn hoạt động QLRR ở ba cấp: Tổng cục, Cục Hải quan, Chi cục Hải quan và đơn vị thu thập, xử lý thông tin, QLRR ở các cục nghiệp vụ chuyên môn thuộc cơ quan Tổng cục vừa đảm bảo tính hệ thống, vừa đảm bảo tính đặc thù, đáp ứng tiến trình hội nhập quốc tế và cải cách hiện đại hóa hải quan. Đảm bảo cung cấp dữ liệu đánh giá rủi ro phục vụ tự động hóa trong TTHQĐT đạt hiệu quả cao nhất.

**CHƯƠNG 2**  
**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN**  
**TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG**  
**KHU VỰC 3**

**2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3***

Cảng Hải Phòng là một cụm cảng biển tổng hợp cấp quốc gia, lớn thứ 2 ở Việt Nam và lớn nhất miền Bắc, là cửa ngõ quốc tế của Việt Nam, có khả năng tiếp nhận tàu hàng tổng hợp, tàu container có trọng tải lớn, tàu khách du lịch trong nước và quốc tế có trọng tải tương đương 20.000 DWT. Cảng là đầu mối quan trọng vận chuyển hàng hóa chính của khu vực miền Bắc Việt Nam.

Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan, đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh, Bộ công thương ban hành Nghị định số 87/BCT- NĐ-KB thành lập Sở Hải quan Hải Phòng. Qua 3 lần đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng (1958), Phân cục Hải quan Hải Phòng (1962), Hải quan thành phố Hải Phòng (1984) đến năm 1994 đổi tên thành Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng.

Trên cơ sở quy định của Pháp lệnh Hải quan và Nghị định số 16/CP, bộ máy tổ chức của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng gồm 10 Chi cục Hải quan cửa khẩu và 08 Phòng ban tham mưu như sau:

**10 Chi cục Hải quan cửa khẩu và tương đương:**

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 1

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 2

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3

Chi cục Hải quan Đình Vũ

Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư và gia công

Chi cục Hải quan Hải Dương

Chi cục Hải quan Hưng Yên

Chi cục Hải quan Thái Bình

Chi cục Hải quan Khu chế xuất, Khu công nghiệp Hải Phòng

Chi cục Kiểm tra sau thông quan

**08. Phòng ban tham mưu:**

Văn phòng

Phòng tổ chức cán bộ

Phòng Giám sát quản lý về Hải quan

Phòng Thuê xuất nhập khẩu

Phòng Thanh tra

Phòng Chống buôn lậu và Xử lý vi phạm

Phòng Công nghệ thông tin

Đội Kiểm soát Hải quan

Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 là một trong 4 Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng.

Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 tiền thân là đơn vị Hải quan Vạn Mỹ, được sắp xếp lại và đổi tên theo Quyết định 1366/QĐ-TCCB ngày 16/12/2001 của Tổng cục Hải quan, có trụ sở đặt tại số 1 Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng.

Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 hoạt động theo đặc thù của Cảng biển. Địa bàn quản lý gồm 01 Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi, 06 cảng biển: Nam Hải, Nam Hải Đình Vũ, Transvina, Đoạn Xá, Vip Green và Greenport; 04 cảng chuyên dùng: Cảng Cửa Cấm, Thủy Sản, Sellgar, Đài Hải; 05 kho địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS): Viconship, Vijaco, Gemadept, Vinabridge và Logistics xanh; 14 kho Ngoại quan: Tradimexco, Hùng Cường, Cát Vận, Thanh Huyền, Cemaco, Vietracimex, Vietrans, Logistics xanh, Inlaco Logistic, Gemadept, Bình Phú, Quảng Bình, Hoàng Cầu, Giao nhận vận tải ngoại thương HP, Cemaco.

Biên chế của đơn vị: 141 người (Trong đó có 133 cán bộ công chức và 8 hợp đồng lao động).

Là một Chi cục Hải quan cửa khẩu lớn, có truyền thống đoàn kết, dân chủ trong công tác, cán bộ công chức trong Chi cục có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, luôn luôn nỗ lực về mọi mặt. Qua hơn mười năm trưởng thành và phát triển, Chi cục là một trong những đơn vị điển hình với rất nhiều thành tích xuất sắc, nhiều năm là đơn vị dẫn đầu phong trào của Cục Hải quan Thành Phố Hải Phòng. Chi cục luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được những danh hiệu cao quý như: Bằng khen của Chính Phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, UBND Thành phố Hải Phòng. Hàng chục lượt cá nhân, tập thể được nhận Bằng khen của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan... Năm 2017 Chi cục phấn đấu để đạt được những thành tích tốt nhất trong mọi lĩnh vực.

### ***2.1.2. Chức năng nhiệm vụ***

Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 có chức năng trực tiếp thực hiện các quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật.

Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ quyền hạn cụ thể sau đây:

Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật.

Thực hiện kiểm soát hải quan để phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy trong phạm vi địa bàn hoạt động của Chi cục Hải quan. Phối hợp với các lực lượng chức năng khác để thực hiện công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới ngoài phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.

Tiến hành thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thực hiện việc ấn định thuế, theo dõi, thu thuế nợ đọng, cưỡng chế thuế và phúc tập hồ sơ hải quan; đảm bảo thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.

Thực hiện thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Hải quan.

Tổ chức triển khai thực hiện việc ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ và phương pháp quản lý hải quan hiện đại vào các hoạt động của Chi cục Hải quan.

Thực hiện cập nhật, thu thập, phân tích thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng và của Tổng cục Hải quan.

Thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện việc lập biên bản, ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính, tạm giữ hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về hải quan và xử lý vi phạm hành chính về hải quan; giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính và giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chi cục Hải quan được pháp luật quy định.

Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về chính sách quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, các quy định, quy trình thủ tục hải quan và những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục Hải quan.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan trên địa bàn hoạt động Hải quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về Hải quan cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn.

Thực hiện hợp tác quốc tế về Hải quan theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức và quản lý tài chính, tài sản, các trang thiết bị của Chi cục Hải quan theo phân cấp của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan thành phố.

Thực hiện các chế độ báo cáo và cung cấp thông tin về hoạt động của Chi cục Hải quan theo quy định của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng và Tổng cục Hải quan.

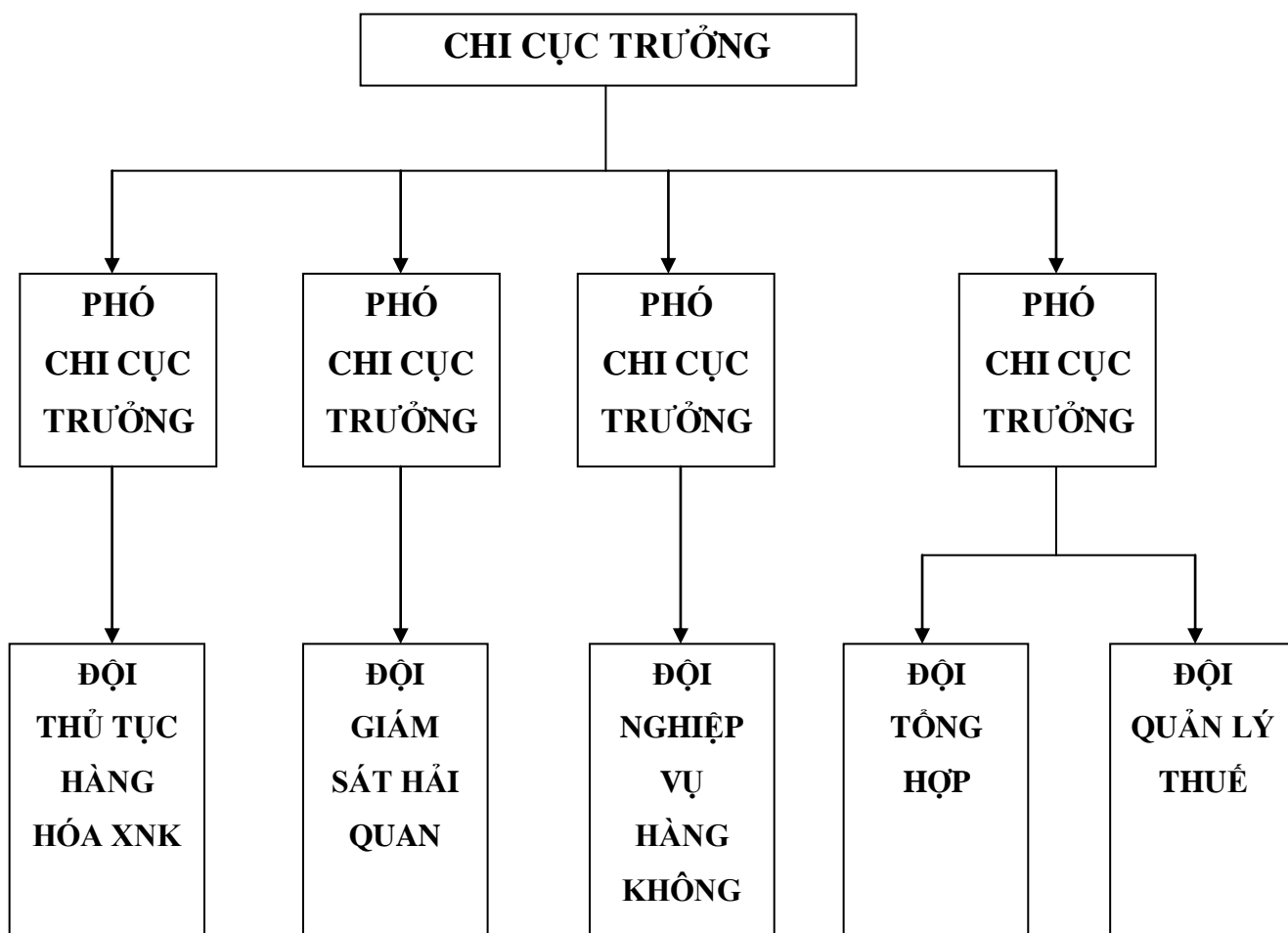
Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng giao.

### ***2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3***

Tính đến năm 2017, Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 có 141 cán bộ công chức và hợp đồng lao động. Bộ máy tổ chức gồm có 01 Chi cục trưởng, 04 phó Chi cục trưởng, 136 công chức và hợp đồng lao động được phân công công tác tại 05 đội nghiệp vụ :

- Đội Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu
- Đội Quản lý thuế
- Đội Giám sát Hải quan.
- Đội Nghiệp vụ Hàng không
- Đội Tổng hợp.

Tổ chức chức bộ máy của Chi cục được thể hiện ở sơ đồ sau:



**Hình 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

## **2.2. ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM**

### **2.2.1. Cơ sở pháp lý quốc tế về thủ tục hải quan điện tử**

*Công ước về đơn giản hoá và hài hoà thủ tục hải quan* (Công ước Kyoto sửa đổi 1999) của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) quy định tại phụ lục tổng quát, Chương III, mục 3.11: “Đối với quy trình thông quan tự động, hình thức tờ khai hàng hóa đăng ký bằng phương tiện điện tử phải dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế đối với việc trao đổi thông tin điện tử như quy định trong các Khuyến nghị của Hội đồng Hợp tác Hải quan về công nghệ thông tin.” Theo chuẩn mực chuyển tiếp 3.1: “Cơ quan Hải quan phải cho phép nộp các chứng từ đi kèm bằng phương tiện điện tử.”. Theo chuẩn mực chuyển tiếp 3.2: “Cơ quan Hải quan phải cho phép nộp Tờ khai hàng hóa bằng phương tiện điện tử.”. Theo

chuẩn mực chuyên tiếp 3.32, quy định chế độ riêng cho những người được ưu tiên thì:

*“Đối với những người được ưu tiên đáp ứng các tiêu chuẩn do cơ quan hải quan quy định, như có truyền thống tuân thủ các quy định của cơ quan hải quan và có một hệ thống quản lý sổ sách kinh doanh tốt, cơ quan hải quan phải cho phép:*

*Giải phóng hàng trên cơ sở những thông tin tối thiểu cần thiết cho phép xác định được hàng hóa và cho phép hoàn thành tờ khai hàng hóa sau.*

*Làm thủ tục thông quan tại trụ sở của người khai hải quan hay tại các địa điểm khác được cơ quan hải quan cho phép; và tùy theo khả năng cho phép, được thực hiện các thủ tục ưu đãi khác như:*

*Cho phép sử dụng một tờ khai hàng hóa duy nhất đối với tất cả các lần xuất khẩu hay nhập khẩu trong một khoảng thời gian nhất định nếu hàng hóa đó thường xuyên được xuất khẩu hay nhập khẩu bởi cùng một người.*

*Người được ưu tiên sử dụng sổ sách kinh doanh của mình để tự tính thuế hải quan và thuế khác, và, tùy theo trường hợp, để đảm bảo việc tuân thủ các quy định khác của hải quan.*

*Cho phép nộp tờ khai hàng hóa bằng cách nộp/sử dụng sổ sách của người được ưu tiên trước, sau đó mới bổ sung bằng tờ khai hàng hóa.”*

Hiện nay, trên thế giới chỉ có một số quốc gia áp dụng nội dung này của Công ước. Ví dụ: Ở khu vực Đông Nam Á chỉ có Malaysia áp dụng cho các doanh nghiệp chế xuất, ở Châu Âu áp dụng vào năm 2008. Tuy nhiên, với mong muốn thực hiện đúng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết thì nội dung này cũng đã được đưa vào áp dụng tại Việt Nam trong quy trình thông quan điện tử.

Chuẩn mực chuyên tiếp 6.1 thể hiện: *“Cơ quan Hải quan cần sử dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử ở mức cao nhất có thể nhằm nâng cao công tác kiểm tra Hải quan.”* Chuẩn mực chuyên tiếp 7.1: *“Cơ quan Hải quan phải áp dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho các hoạt động Hải quan nếu việc áp dụng đó tiết kiệm hơn và mang lại hiệu quả hơn cho Hải quan cũng như*



cho giới kinh doanh. Hải quan phải quy định rõ các điều kiện cho việc áp dụng công nghệ thông tin.”[6,tr.79].

Khung các tiêu chuẩn đảm bảo an ninh và thuận lợi hóa thương mại toàn cầu (Nhà xuất bản Tổ chức hải quan thế giới - Bản định của dự án ETV2 - Hợp phần Hải quan) - Mục 1.3.3: “Nhà nhập khẩu hay đại lý hải quan của mình sẽ nộp tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu dưới dạng điện tử cho Hải quan trước khi phương tiện vận tải đến cơ quan hải quan đầu tiên”.

**Hiệp định hải quan ASEAN được lập tại PhuKhet** - Thái Lan ngày 1/3/1997 gồm 13 điều, trong đó chương 6 có quy định:

“1. Các nước thành viên sẽ đơn giản và hài hoà thủ tục hải quan nhằm thông quan một cách nhanh chóng và hiệu quả hàng hoá giao thương trong ASEAN.

Việc đơn giản và hài hoà thủ tục hải quan trong ASEAN nên tuân theo các chuẩn mực và khuyến nghị thực hành của Công ước Kyoto, đã được sửa đổi, dưới sự bảo trợ của Hội đồng hợp tác hải quan (CCC) hoặc WCO.”

Hiệp định Hải quan ASEAN được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định của Công ước Kyoto sửa đổi, theo đó các quy định mang tính chất về nghiệp vụ, thủ tục và quy trình hải quan, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong nghiệp vụ hải quan và kiểm soát hải quan, hỗ trợ hành chính lẫn nhau đã được tổng hợp và đưa ra cụ thể tại Hiệp định. Hiệp định Hải quan ASEAN xây dựng theo hướng tổng hợp các cam kết hội nhập kinh tế ASEAN có liên quan đến hải quan đã được thống nhất như cam kết về xây dựng và thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN, cam kết về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh và các cam kết trong khuôn khổ Chương 6 của Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Nghị định thư về thực hiện Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN...

Như vậy theo công ước của Tổ chức Hải quan thế giới và Hiệp định Hải quan ASEAN thì các nội dung về hải quan điện tử được quy định rõ ràng, đầy đủ. Việt Nam có tham gia và áp dụng là cơ sở cho thực hiện thủ tục Hải quan điện tử.

## **2.2.2. Cơ sở pháp lý Quốc gia về thủ tục hải quan điện tử**

### **2.2.2.1 Hệ thống Luật**

#### **\* Luật Hải quan**

“Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 gồm có 3 chương, 82 điều. Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 gồm có 3 Điều. Qua 4 năm triển khai, nhiều vướng mắc mà ngành hải quan thực hiện thì có 16 vấn đề lớn, đặc biệt là những vấn đề mới như khai hải quan điện tử, thông quan tự động, hệ thống tổ chức của hải quan theo sự quản lý của Bộ Tài chính, thay đổi phạm vi, trách nhiệm phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; bổ sung trách nhiệm của người khai hải quan cũng như cán bộ hải quan trong việc thu thuế và các khoản thu khác và bổ sung thêm một khoản về phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu và xác định thuế suất đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và các khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp. So với Luật 29/2001/QH10, Luật sửa đổi bổ sung sửa đổi về phạm vi điều chỉnh, hoạt động quốc tế, hiện đại hóa, nhiệm vụ hải quan ... để phù hợp tình hình hiện tại” [2,tr.79].

“Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 đã được điều chỉnh bởi Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014 được bố cục thành 8 Chương gồm 104 Điều, trong đó: Giữ nguyên: 7 Điều; Sửa đổi: 56 Điều; bổ sung: 41 Điều; bỏ 7 Điều. Qua số liệu trên Luật 2014 đã căn bản thay đổi hầu hết các nội dung so với luật sửa đổi 2005. Những nội dung mới của Luật có thể chia thành 4 nhóm: Nhóm vấn đề về cải cách thủ tục hải quan, hiện đại hoá quản lý hải quan, nội luật hoá các cam kết quốc tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; Nhóm vấn đề về nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý hải quan; tăng cường công tác bảo vệ an ninh quốc gia và an ninh kinh tế nhằm phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, gian lận thương mại; Nhóm vấn đề về sửa đổi, bổ sung những quy định trong Luật hiện hành để bảo đảm tính thống nhất, khả thi của pháp luật hải quan, phù hợp với văn bản pháp luật có liên quan và thực tế hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; Nhóm vấn đề liên quan đến kiện

toàn hệ thống tổ chức hải quan, xây dựng trên nguyên tắc phù hợp với yêu cầu mục tiêu chung của cải cách nền hành chính quốc gia; minh bạch, đơn giản hóa thủ tục về hải quan, giảm thời gian thông quan...”[1] ,[2] ,[3,tr.79].

#### **\* Luật Giao dịch điện tử**

“Luật số 51/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ban hành ngày 29/11/2005, gồm có 8 chương và 54 điều, có hiệu lực từ ngày 01/03/2006. Sự ra đời của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình xây dựng khung pháp luật cho thương mại điện tử, cho giao dịch điện tử, trong đó có hợp đồng điện tử. Đây là đạo luật đầu tiên điều chỉnh trực tiếp việc sử dụng các phương tiện điện tử trong trao đổi, giao dịch. Luật Giao dịch điện tử năm 2005 có phạm vi điều chỉnh khá bao quát, bao gồm các giao dịch điện tử trong các lĩnh vực hành chính, dân sự và thương mại. Việc ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005 phù hợp với xu hướng chung của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về thương mại điện tử và hợp đồng điện tử. Luật Giao dịch điện tử năm 2005 đưa ra một số quy định liên quan đến giao kết hợp đồng điện tử như: khái niệm về hợp đồng điện tử (điều 33); khẳng định giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử (điều 34); nguyên tắc giao kết hợp đồng điện tử (điều 36); khái niệm giao kết hợp đồng điện tử (điều 37). Ngoài ra, Luật còn quy định về chữ ký điện tử; nguyên tắc sử dụng chữ ký điện tử; nghĩa vụ của người ký chữ ký điện tử và của bên chấp nhận chữ ký điện tử v.v... Tuy chưa thật là đầy đủ và cụ thể nhưng những quy định này là những quy tắc pháp luật đầu tiên hướng dẫn giao kết hợp đồng điện tử. Những quy định này có ý nghĩa như những quy định cơ bản, nền tảng để điều chỉnh việc giao kết hợp đồng điện tử. Với những quy tắc pháp luật này, có thể thấy rõ Luật Giao dịch điện tử năm 2005 chính là đạo luật khung điều chỉnh giao dịch điện tử nói chung và giao kết hợp đồng điện tử nói riêng” [4,tr.79].

#### **\* Luật Quản lý thuế**

Luật số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

#### *2.2.2.2. Các văn bản dưới luật*

Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 Quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thương mại.

Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thông quan điện tử.

Thông tư số 222/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thí điểm thủ tục hải quan điện tử.

Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

Quyết định số 50/2005/QĐ-BTC ngày 19/7/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định quy trình thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Quyết định số 52/2007/QĐ-BTC ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm thủ tục hải quan điện tử.

Quyết định số 3046/QĐ-TCHQ ngày 27/12/2012 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

### **2.3. ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT PHỤC VỤ CHO THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

Để thực hiện thành công thủ tục hải quan điện tử nói chung, trong từng giai đoạn phát triển nói riêng, một trong những yếu tố là cơ sở hạ tầng cho thực hiện và trang thiết bị phục vụ cho thực hiện thủ tục tại Chi cục.

## **Về hệ thống mạng**

Hiện tại Chi cục được trang bị hệ thống mạng WAN và mạng LAN theo mô hình quản lý dữ liệu tập trung tại TTDL, đảm bảo cho việc xử lý toàn bộ tờ khai làm thủ tục tại địa bàn Chi cục, hệ thống mạng được xây dựng đồng bộ, kết nối bằng đường truyền tốc độ cao từ 256 kbps trở lên bảo đảm thực hiện việc truyền nhận, trao đổi, xử lý dữ liệu giữa doanh nghiệp với Chi cục và Chi cục với Phòng CNTT Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng và Cục Công nghệ thông tin - Tổng cục Hải quan TTDL. Hệ thống các phần mềm quản lý thông tin đã được quản lý tập trung, thống nhất từ Tổng cục Hải quan xuống Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng và xuống tới các Chi cục. Hệ thống thông quan điện tử (VINACCS), Hệ thống Quản lý thuế, Hệ thống quản lý giám sát (E - CUSTOM)... được Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng cài đặt tới các điểm làm thủ tục hải quan thuộc Chi cục. Mặt khác Chi cục đã phối hợp với Phòng CNTT, Công ty TNHH Thái Sơn, Công ty FPT hỗ trợ, hướng dẫn và cài đặt cho Doanh nghiệp về chữ ký số và phần mềm đầu cuối của Doanh nghiệp.

## **Về hệ thống thiết bị**

Căn cứ theo nhu cầu và thực trạng hạ tầng trang thiết bị của từng Chi cục Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng đã trang bị cho Chi cục đảm bảo đủ số lượng, cấu hình trang thiết bị máy chủ, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị lưu trữ,... cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ triển khai hải quan điện tử. Cụ thể trang bị 01 máy chủ và 133 máy trạm tại các khâu nghiệp vụ, đảm bảo 1 công chức/ 01 máy để thực hiện nhiệm vụ.

Với thực trạng về hệ thống mạng và cơ sở vật chất phục vụ cho thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục có một bước tiến rõ rệt: Giúp Doanh nghiệp khai báo thủ tục nhanh hơn trước, các bước thực hiện trên hệ thống rút ngắn thời gian, giảm nhiều thao tác của công chức tạo điều kiện cho việc thông quan hàng hoá nhanh chóng, giảm chi phí cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo quản lý tốt các hoạt động về hải quan và chống gian lận thương mại có hiệu quả. Mặt khác giúp việc minh bạch hoá về thủ tục hải quan, doanh nghiệp chấp hành tốt thủ tục hải quan sẽ được tạo điều kiện thuận lợi trong làm thủ tục

hải quan; cơ quan hải quan áp dụng hệ thống thông tin để thực hiện nhiệm vụ sẽ giải trừ được những rủi ro, trách nhiệm so với trước đây thực hiện bằng phương pháp thủ công.

Tuy nhiên hiện tại đường truyền đôi khi gặp sự cố nghẽn mạch, nghẽn mạng và vẫn còn một số lượng đáng kể máy tính đã cũ, cấu hình thấp ảnh hưởng tới tốc độ làm việc của công chức cũng như thời gian làm thủ tục của Doanh nghiệp.

#### **2.4. ĐÁNH GIÁ VỀ NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

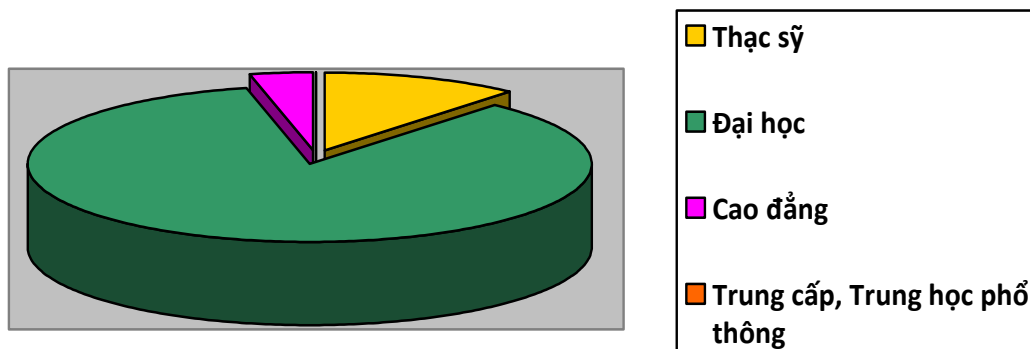
Tính đến năm 2017, Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 có tổng số 141 cán bộ công chức và hợp đồng lao động, trong đó 133 công chức được phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thủ tục hải quan, cụ thể: Đội thủ tục hàng xuất nhập khẩu 40 công chức; Đội Tổng hợp 4 công chức, Đội Giám sát Hải quan 60 công chức, Đội Nghiệp vụ Hàng không 12 công chức, Đội Quản lý thuế 10 công chức và 02 quản trị mạng. Toàn bộ cán bộ công chức (trừ các công chức & hợp đồng lao động thực không thực hiện nhiệm vụ liên quan đến nghiệp vụ hải quan) đều được học, tập huấn về thủ tục hải quan điện tử. Phần lớn trong số 133 CBCC là những CBCC trẻ và thuộc các Đội thủ tục đã có kỹ năng tham gia tác nghiệp trên các hệ thống hải quan điện tử trước đây. Tuy nhiên những CBCC tuổi cao và CBCC thuộc Đội giám sát có nhận thức, kỹ năng về CNTT còn rất hạn chế (khoảng 30%).

##### **2.4.1. Đánh giá về nguồn nhân lực theo trình độ chuyên môn**

Tính đến năm 2017, toàn Chi cục hiện có 15 người có trình độ Thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 11,3%); 113 người có trình độ Đại học (tỷ lệ 84,9%); Cao đẳng có 5 người (tỷ lệ 3,7 %); Tốt nghiệp trung cấp và phổ thông trung học 0%.

Trình độ tin học: Cử nhân Tin học 8 người chiếm tỷ lệ 6,1%; Tin học cơ sở 93,9%; Sử dụng được trong công việc, chưa có chứng chỉ 0%.

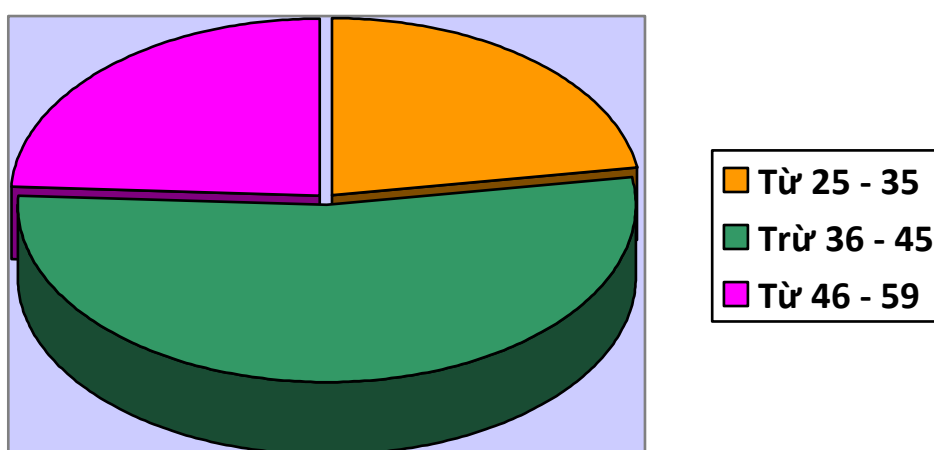
Tỷ lệ về trình độ chuyên môn của công chức được thể hiện theo hình 2.2. sau:



**Hình 2.2. Tỷ lệ nguồn nhân lực Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 theo trình độ chuyên môn**

**2.4.2. Đánh giá về nguồn nhân lực theo độ tuổi**

Trong tổng số 133 công chức trong Chi cục thì độ tuổi từ 25 - 35 có 30 người (tỷ lệ 22,55%), từ 36 - 45 tuổi: 71 người (tỷ lệ 53,38%), từ 46 đến 59 tuổi: 32 người (tỷ lệ 24,06%). Kết quả so sánh về độ tuổi của cán bộ công chức trong chi Cục được thể hiện ở hình 2.3 sau:



**Hình 2.3. Tỷ lệ nguồn nhân lực Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 theo độ tuổi.**

Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 được Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng đánh giá là một trong những đơn vị có đội ngũ CBCC làm công tác nghiệp vụ chắc, mạnh cả về số lượng, về trình độ đào tạo và về kinh nghiệm thực tiễn. Qua rà soát theo các số liệu trên về trình độ và độ tuổi về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc nghiệp vụ nói chung và nghiệp vụ hải quan điện tử nói riêng, Chi cục đã căn cứ theo trình độ, nhận thức, sức khỏe... để phân công công việc cho hợp lý, phù hợp, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Song còn có những hạn chế nhất định sau:

Nhận thức của cán bộ Hải quan về vai trò, lợi ích việc ứng dụng CNTT trong công tác hiện đại hóa không đầy đủ, còn tâm lý sử dụng theo phương thức truyền thống, ở giai đoạn bắt đầu triển khai các ứng dụng thường gặp nhiều khó khăn do lỗi cho máy móc trang bị thiếu, đường truyền không tốt, phần mềm còn lỗi.

Năng lực trình độ không đồng đều, các công chức sử dụng hệ thống tại các khâu nghiệp vụ thường xuyên thay đổi, luân chuyển cũng gây khó khăn trong việc xử lý các khâu nghiệp vụ trên máy.

Chính sách đào tạo nguồn nhân lực về CNTT mới chỉ dừng ở đào tạo kỹ thuật cơ bản, thiếu định hướng lâu dài dẫn đến thiếu hụt đội ngũ chuyên gia trình độ cao đặc biệt là khâu phân tích, thiết kế các hệ thống lớn; quản trị dự án; đảm bảo chất lượng phần mềm.

Trên thực tế qua kết quả kiểm tra đánh giá, các số liệu trên chưa thể hiện đúng thực chất về trình độ của một số cán bộ công chức. Có khoảng 5-10% số lượng cán bộ công chức có trình độ thấp hơn bằng cấp, chứng chỉ được cấp, một số công chức trình độ về nghiệp vụ, tin học còn hạn chế, đến 20 % công chức tuổi cao, trình độ về CNTT còn hạn chế cũng ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả công việc. Như vậy đòi hỏi Chi cục phải chú trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công chức cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, nhất là cán bộ công chức ở bộ phận giám sát. Việc đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ công chức trong thời gian tới là rất quan trọng và cần thiết nếu muốn phát triển thủ tục HQĐT trên diện rộng trong phạm vi toàn Chi cục, đồng thời quán triệt và bồi dưỡng văn hóa giao tiếp cho cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả và tạo hình ảnh đẹp của Chi cục trong



cộng đồng Doanh nghiệp. Tư tưởng, đời sống của CBCC thực hiện thủ tục hải quan điện tử còn nhiều vấn đề cần quan tâm.

## **2.5. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

Hiện nay Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hệ thống thông quan một cửa quốc gia gọi là VNACCS/VCIS.

Để chuẩn bị cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử theo hệ thống thông quan một cửa quốc gia VNACCS/VCIS. Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan đã chuẩn bị kỹ lưỡng đề ra kế hoạch cụ thể với thời gian từ tháng 11/2013 đến tháng 3/2014 và Cục Hải quan Hải Phòng là Cục Hải quan duy nhất trên toàn quốc được lựa chọn thực hiện triển khai trong thời gian đầu tiên (tháng 4/2014).

Thực hiện nhiệm vụ Cục Hải quan Hải Phòng giao, Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 đã xây dựng và thực hiện kế hoạch chuẩn bị:

- + Tuyên truyền cho cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư trên địa bàn để Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng triển khai thành công Dự án. Thông báo hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký, tham gia Hệ thống VNACCS/VCIS và gửi trực tiếp tới các doanh nghiệp thường xuyên làm thủ tục hải quan tại Chi cục, đồng thời niêm yết tại trụ sở Chi cục.

- + Tổ chức hướng dẫn và đào tạo tại chỗ cho toàn bộ cán bộ công chức trong Chi cục có nhiệm vụ thực hiện nghiệp vụ.

- + Thực hiện chạy thử hệ thống: Phân công công chức chạy thử hệ thống theo kịch bản, giải đáp vướng mắc phát sinh trong quá trình chạy thử cho cán bộ công chức hải quan tại đơn vị cũng như các doanh nghiệp tham gia chạy thử trên địa bàn.

- + Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ dự án, lắp đặt và bổ sung tất cả các đường truyền từ Chi cục tới các điểm thực hiện tiếp nhận, giám sát.

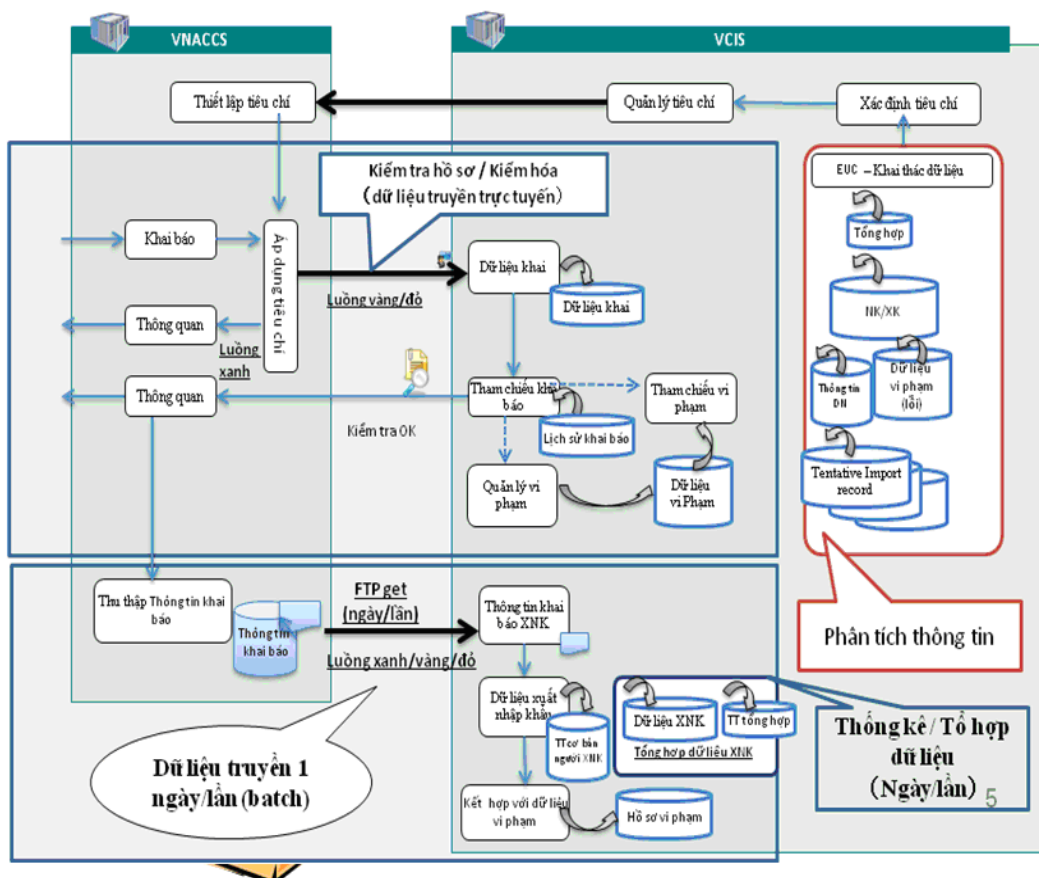
- + Báo cáo Cục Hải quan Hải Phòng về hoàn tất mọi công việc chuẩn bị để triển khai thực hiện, nhằm mục tiêu lớn nhất là thành công Dự án.

Ngày 10/4/2014, Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 chính thức thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hệ thống VNACCS/VCIS. Thủ tục hải

quan điện tử thực hiện theo Thông tư 22/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014 và Quyết định 988/2014/QĐ- BTC ngày 28/3/2014. Qua hơn ba năm thực hiện, với các kết quả đã đạt được thì Dự án đã thành công tại đơn vị.

### 2.5.1. Giới thiệu chung về hệ thống thông quan điện tử và cơ chế một cửa quốc gia (Hệ thống VNACCS/VCIS)

Hệ thống VNACCS/VCIS là Hệ thống thông quan điện tử và Cơ chế một cửa quốc gia. Hệ thống VNACCS/VCIS nằm trong dự án “Xây dựng, triển khai Hải quan điện tử và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia phục vụ hiện đại hóa Hải quan tại Việt Nam” do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Việc chuyển giao dựa trên hệ thống thông quan NACCS/CIS của hải quan Nhật, với công nghệ hiện đại. Hệ thống này bao gồm 02 hệ thống nhỏ là hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam và hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ. Tổng quan về hệ thống này được thể hiện ở hình 2.4 sau:



(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.4. Sơ đồ tổng quan về cơ chế hoạt động của Hệ thống VNACCS/VCIS**

### 2.5.1.1. Hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam

Hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam (*tên tiếng Anh là Viet Nam Automated Cargo Clearance System, gọi tắt là hệ thống VNACCS*); Hệ thống VNACCS sử dụng cho mục đích thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu:

- \* Tiếp nhận trao đổi thông tin với bên ngoài (DN XNK, cơ quan quản lý nhà nước, đại lý hãng vận tải...);

- \* Xử lý thông tin về người khai, về đối tượng khai, xử lý các nghiệp vụ, Phân luồng tờ khai...

- \* Trao đổi thông tin với VCIS và các hệ thống nội bộ ngành Hải quan.

VNACCS được sử dụng cho mục đích thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Hệ thống được xây dựng trên nguyên tắc áp dụng tối đa các chuẩn mực, tư duy quản lý của Hải quan Nhật Bản và có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của Việt Nam hiện nay. Khi triển khai Hệ thống VNACCS sẽ bao phủ 133 quy trình nghiệp vụ hải quan bằng hình thức trực tuyến và 6 quy trình nghiệp vụ Batch (thực hiện theo gói tin). Tuy nhiên, việc ứng dụng các phần mềm nghiệp vụ trong VNACCS không có nghĩa là triệt tiêu các hệ thống công nghệ thông tin hiện có của Hải quan Việt Nam, mà sẽ có cơ chế để kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa VNACCS và các hệ thống này. Ví dụ như cơ chế kết nối giữa VNACCS với phần mềm thống kê hải quan, hệ thống thanh toán thuế KTT559, trao đổi thông tin hóa đơn tự in trực tuyến, hệ thống thông tin tình báo. Đặc biệt với mục tiêu thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia nên VNACCS sẽ cho phép kết nối với các đơn vị bên ngoài ngành Hải quan như DN xuất nhập khẩu, đại lý hải quan, các công ty về logistics, các bộ ngành liên quan, các hãng vận tải và hệ thống ngân hàng.

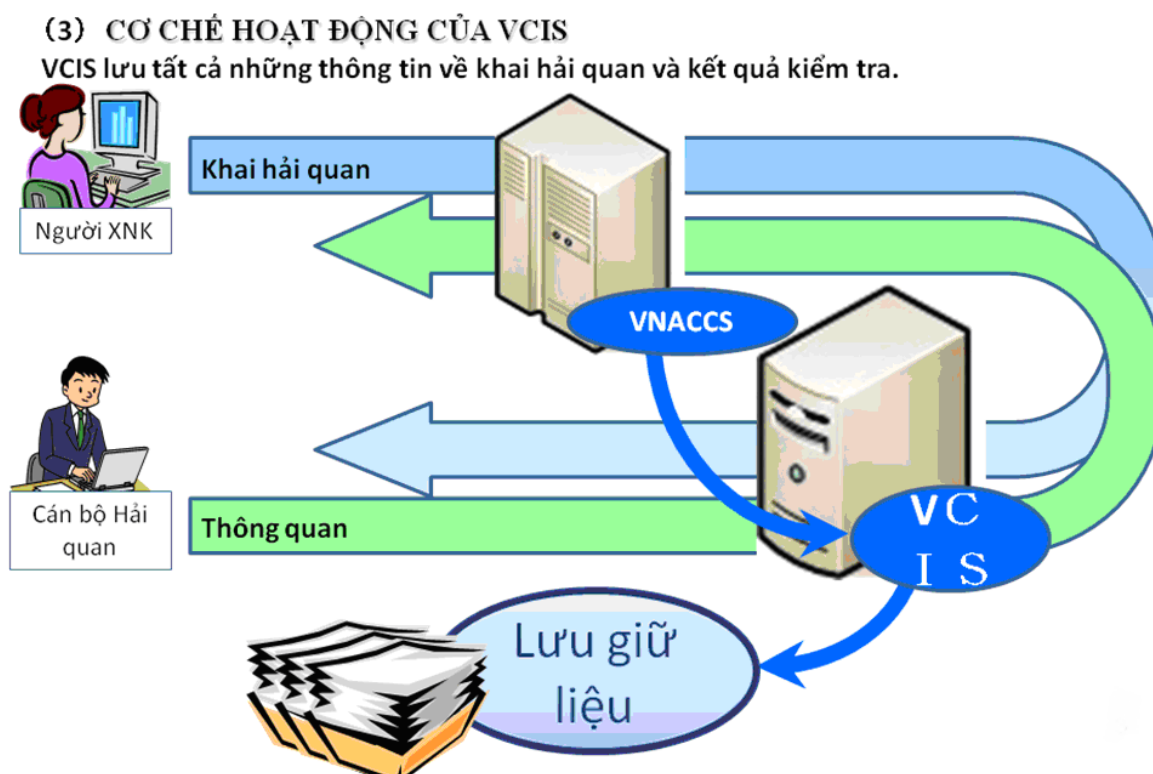
### 2.5.1.2. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ

Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ (*tên tiếng Anh là Vietnam Customs Intelligence Information System, gọi tắt là hệ thống VCIS*) là 1 hệ thống thông tin tình báo Hải quan phục vụ cho công tác QLRR và giám sát nghiệp vụ của Hải quan Việt Nam.

Hệ thống nghiệp vụ này phục vụ cho riêng cơ quan hải quan:

- \* Quản lý hồ sơ DNXNK, hồ sơ rủi ro, hồ sơ vi phạm.
- \* Thiết lập các tiêu chí chọn phân luồng.
- \* Kiểm tra, xử lý tờ khai, tra cứu thông tin tổng hợp người khai hải quan, XNK, Đại lý....

Hệ thống VCIS xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý của cơ quan Hải quan trong công tác QLRR và thông quan hàng hóa XNK. VCIS có mục đích nhằm phục vụ thông quan hàng hóa, QLRR hải quan. VCIS gồm 15 quy trình nghiệp vụ trực tuyến và 09 quy trình nghiệp vụ và cũng có cơ chế kết nối với các hệ thống CNTT hiện có của Hải quan Việt Nam. Tuy nhiên, VCIS sẽ không thực hiện kết nối với các cơ quan ngoài ngành Hải quan. Đây là điểm khác biệt so với VNACCS cơ chế hoạt động của VCIS được thể hiện thông qua mô hình hóa sau:



(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.5. Sơ đồ cơ chế hoạt động của VCIS**

### 2.5.2. Các bước thực hiện quy trình thủ tục hải quan điện tử

Hiện nay Chi cục đang thực hiện quy trình thủ tục hải quan điện tử theo hợp đồng thương mại theo hệ thống Vinaccs/Vicis gồm 5 bước như sau:

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa

Bước 4: Xác nhận thông quan/ giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/ vận chuyển hàng về địa điểm kiểm tra.

Bước 5: Quản lý hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan

Để thực hiện 5 bước trên, nhiệm vụ của doanh nghiệp và cơ quan hải quan là:

**\* Đối với doanh nghiệp**

- Trước khi tiến hành khai hải quan, người khai hải quan phải đăng ký trước với cơ quan Hải quan các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Sau khi đăng ký trước thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan tiếp nhận thông tin phản hồi từ Hệ thống để thực hiện khai hải quan.

- Người khai hải quan tự kiểm tra nội dung thông tin phản hồi từ Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi sử dụng thông tin phản hồi từ Hệ thống để khai hải quan.

- Người khai hải quan khi tiếp nhận các thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống:

- Trường hợp nhận thông báo kết quả phân luồng là luồng 1 (xanh), người khai hải quan thực hiện thủ tục thông quan hàng hoá, tự in tờ khai à làm tiếp thủ tục.

+ Trường hợp nhận thông báo kết quả phân luồng là luồng 2 (vàng), người khai hải quan thực hiện xuất trình, nộp cho cơ quan Hải quan toàn bộ các chứng từ theo quy định thuộc hồ sơ hải quan. Trường hợp sau khi kiểm tra hồ sơ cơ quan Hải quan chấp nhận thông quan, người khai hải quan thực hiện thủ tục thông quan hàng hoá theo quy định. Trường hợp sau khi kiểm tra hồ sơ nếu không phù hợp với khai báo, cơ quan Hải quan yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan, người khai hải quan thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan. Nếu hợp cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình hàng hoá để kiểm tra thực tế, người khai hải quan thực hiện hàng hoá để cơ quan Hải quan kiểm tra.

+ Trường hợp nhận thông báo kết quả phân luồng là luồng 3 (đỏ), người khai hải quan xuất trình, nộp toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và xuất

trình hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra cơ quan Hải quan chấp nhận thông quan, người khai hải quan thực hiện thủ tục thông quan hàng hoá. Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hóa nếu không phù hợp với khai báo, cơ quan Hải quan yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan thì thực hiện người khai hải quan thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.

- Sau khi tờ khai đã được quyết định thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản... người khai hải quan tự in tờ khai hải quan đến bộ phận giám sát làm tiếp thủ tục xác nhận “hàng đã qua khu vực giám sát” cho lô hàng.

#### **\* Đối với cơ quan hải quan**

- Việc tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống.

- Hệ thống tự động kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, bao gồm:

+ Doanh nghiệp không thuộc các tình trạng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan, giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngừng hoạt động, tạm ngừng hoạt động, mất tích;

+ Kiểm tra tính đầy đủ các thông tin khai báo trên tờ khai.

- Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống thông báo nội dung khai sai để người khai hải quan thực hiện khai báo lại.

- Trường hợp thông tin khai báo được chấp nhận thì Hệ thống tự động cấp số tờ khai hải quan và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

+ Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa (luồng 1 - xanh); Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan.

+ Yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan để kiểm tra (luồng 2 - vàng).

+ Yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và hàng hóa để kiểm tra (luồng 3 - đỏ).

Sau khi kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa phù hợp, công chức cập nhật vào hệ thống. Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan.

- Kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình làm thủ tục hải quan:

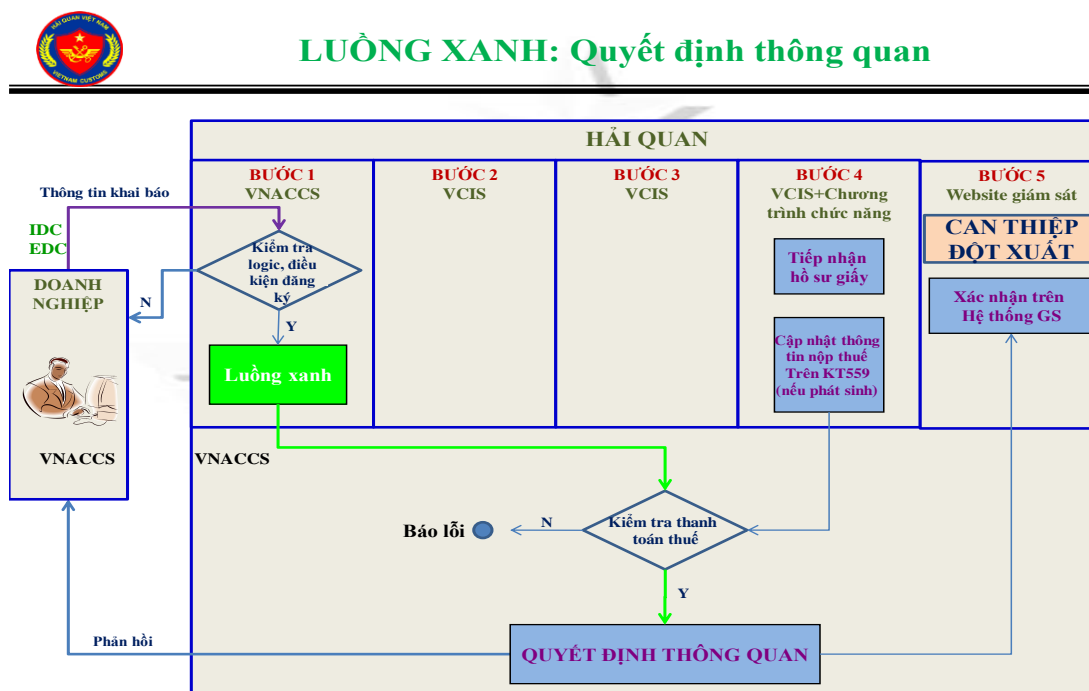
+ Công chức được phân công kiểm tra hồ sơ hải quan: kiểm tra thông tin tờ khai hải quan điện tử trên Hệ thống, kiểm tra chứng từ giấy, cập nhật vào hệ thống.

+ Công chức được phân công kiểm tra thực tế hàng hóa: kiểm tra trực tiếp thực hiện thủ công hoặc bằng dụng cụ, máy móc, thiết bị kỹ thuật hay bằng các nghiệp vụ khác, cập nhật vào hệ thống.

- Đối với công chức giám sát: tiếp nhận tờ khai đã được thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản...đổi chiếu tờ khai với hệ thống E custom (hệ thống giám sát), xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát trên tờ khai và hệ thống, trả tờ khai cho người khai để vận chuyển hàng ra khỏi khu vực giám sát.

- Công chức đã giải quyết thủ tục cho lô hàng nêu trên phải tiếp nhận chứng từ, hoàn thiện hồ sơ hải quan và chuyển bộ phân lưu trữ theo quy định [14,tr.80].

Quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS được thực hiện theo mô hình sau:

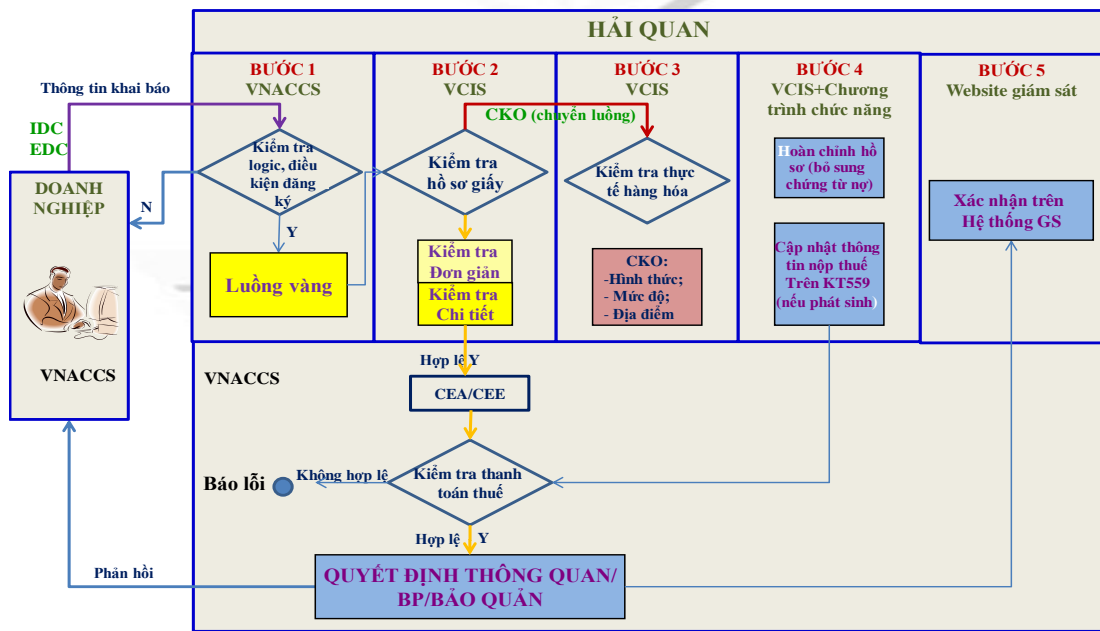


(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.6. Mô hình quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS**



## LUỒNG VÀNG: Kiểm tra hồ sơ

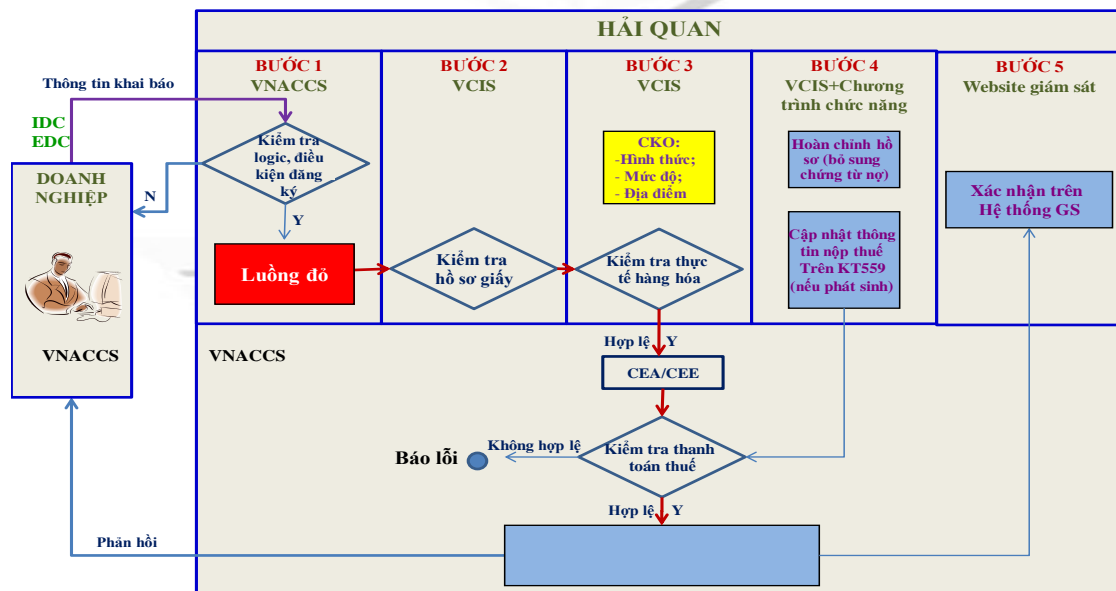


(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.7: Mô hình quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS**



## LUỒNG ĐỎ: kiểm tra chi tiết hồ sơ và hàng hóa



(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.8: Mô hình quy trình thông quan điện tử trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS**



### 2.5.3. Đánh giá các bước quy trình

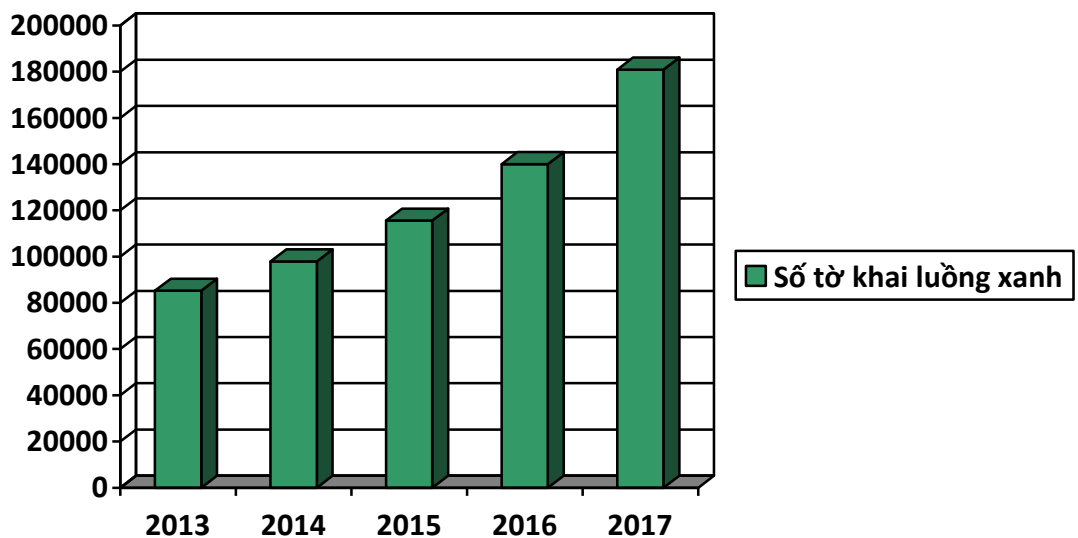
#### \* Đánh giá quy trình thủ tục đối với luồng xanh

Sau khi người khai hải quan truyền tải các dữ liệu lên hệ thống, hệ thống chấp nhận những thông tin mà người khai hải quan đã khai báo, miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan. Qua đó doanh nghiệp không cần phải trực tiếp đến trụ sở của cơ quan hải quan để xuất trình hồ sơ giấy, cũng không cần phải xuất trình hàng hóa để kiểm tra. Doanh nghiệp chỉ cần thực hiện một bước đơn giản là tới khu vực giám sát hàng hóa, xuất trình những hồ sơ giấy tờ cần thiết và sau đó có thể đưa hàng hóa ra khỏi khu vực này.

Số liệu tờ khai luồng xanh theo các năm như sau:

**Bảng 2.1. Số tờ khai luồng xanh từ năm 2013 - 2017  
tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
Tờ khai luồng xanh	Tờ	85.240	97.911	115.627	140.041	180.927
Chênh lệch	Tờ	-	12.671	17.716	24.414	40.886
Tỷ lệ	%	-	15	18	22	29



(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.9. Số tờ khai luồng xanh tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

Ta có thể thấy số lượng tờ khai luồng xanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số tờ khai và đang có xu hướng tăng mạnh trong thời gian qua. Năm 2013 số tờ khai luồng xanh là 85.240 tờ, năm 2014 là 97.911 tờ tăng 12.671 tờ tương đương tỷ lệ tăng 15%. Năm 2015 số tờ khai luồng xanh là 115.627 tờ tăng 17.716 tờ so với năm 2014 tương đương tỷ lệ tăng 18%. Năm 2016 số tờ khai luồng xanh là 140.041 tờ và tăng 21% so với năm 2015 và tăng 24.414 tờ. Năm 2017 số tờ khai luồng xanh là 180.927 tờ tăng 29% là năm tăng mạnh nhất trong giai đoạn 2013-2017.

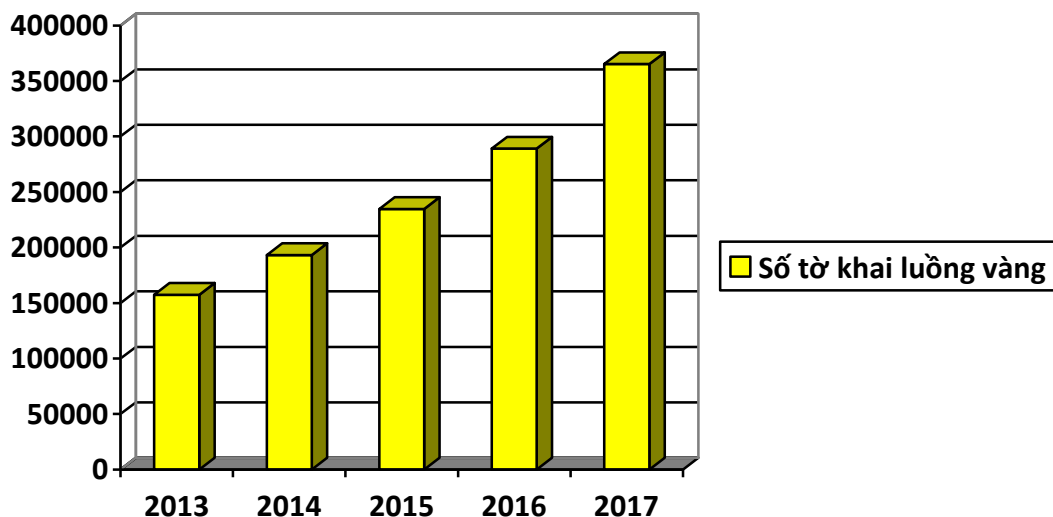
**\* Đánh giá quy trình thủ tục đối với luồng vàng**

Người khai hải quan truyền tải dữ liệu khai báo lên hệ thống để hệ thống kiểm tra các điều kiện đăng ký tờ khai. Nếu những thông tin khai báo hợp lệ, hệ thống cấp số tờ khai, phân luồng 2 (vàng), yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ để cơ quan hải quan kiểm tra. Công chức hải quan kiểm tra chứng từ giấy, căn cứ kết quả kiểm tra chứng từ giấy, cơ quan hải quan thực hiện thông quan hoặc giải phóng hàng hoặc đưa hàng về bảo quản hoặc chuyển kiểm tra thực tế hàng hóa. Doanh nghiệp tự in tờ khai xuất trình tại văn phòng giám sát để làm tiếp thủ tục đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát.

Đối với tờ khai luồng vàng, nếu được quyết định thông quan, giải phóng hàng thì người khai hải quan giảm được thời gian không phải xuất trình hàng hóa để kiểm tra.

**Bảng 2.2. Số tờ khai luồng vàng từ năm 2013-2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
<b>Tờ khai luồng vàng</b>	Tờ	157.424	193.244	234.791	289.048	365.298
<b>Chênh lệch</b>	Tờ	-	35.820	41.547	54.257	76.250
<b>Tỷ lệ</b>	%	-	22,8	21,5	23,1	26,4



(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)

**Hình 2.10. Số tờ khai luồng vàng từ tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

Giai đoạn 2013 - 2017 số tờ khai luồng vàng có xu hướng tăng dần năm 2017 số tờ khai luồng vàng là 365.298 tờ tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2013. Cụ thể năm 2014 số tờ khai luồng vàng là 193.244 tờ tăng 22,8% so với năm 2013. Năm 2015 số tờ khai luồng vàng là 234.791 tờ tăng 41.547 tờ tương đương 21,5% so với năm 2014. Năm 2016 số tờ khai luồng vàng là 298.048 tờ tăng 54.257 tờ tương đương 23,1% so với năm 2015. Năm 2017 số tờ khai luồng vàng là 365.298 tờ tăng 76.250 tờ tương đương 26,4% so với năm 2016.

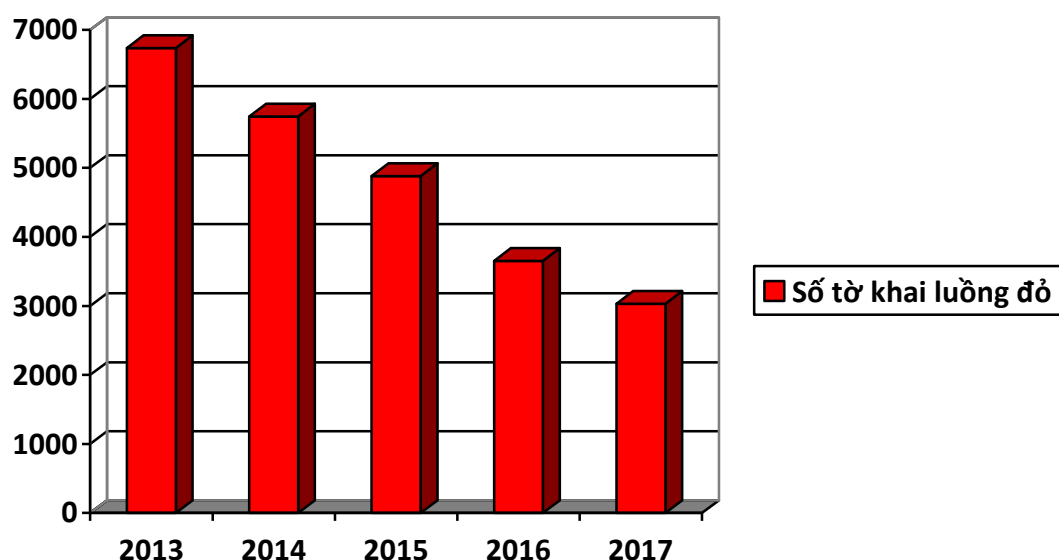
Số tờ khai luồng vàng tăng mạnh do một số doanh nghiệp còn lúng túng trong quá trình khai báo hải quan dẫn đến khai nhầm, khai thiếu thông tin trong hồ sơ chứng từ do đó bị hệ thống VNACCS/VCIS phân vào luồng vàng. Bên cạnh đó, luồng vàng tăng còn do tình hình buôn lậu, gian lận không giảm.

**\* Đánh giá quy trình thủ tục đối với luồng đỏ**

Người khai hải quan xuất trình giấy tờ theo quy trình tại luồng vàng trên và cơ quan hải quan sẽ kiểm tra thực tế hàng hóa. Cán bộ hải quan sử dụng các phương pháp kiểm tra thủ công hoặc bằng thiết bị để kiểm tra và cập nhật kết quả vào hệ thống.

**Bảng 2.3. Số tờ khai luồng đỏ từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
Tờ khai luồng đỏ	Tờ	6.736	5.745	4.883	3.652	3.032
Chênh lệch	Tờ	-	-991	-862	-1231	-620
Tỷ lệ	%	-	-14,7	-15	-25,2	-17,0



*(Nguồn: Ban cải cách hiện đại hóa – Cục Hải quan Hải Phòng)*

**Hình 2.11. Số tờ khai luồng đỏ tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

Nhờ sự nỗ lực, tích cực trong công tác cải cách hành chính của Cục Hải quan Hải Phòng mà tỷ lệ luồng đỏ giảm đáng kể. Từ con số 6.736 tờ khai phân luồng đỏ năm 2013 chiếm 2,7% tổng số tờ khai thì đến năm 2017 là 3.032 tờ chỉ chiếm 0,55% trong tổng số tờ khai Hải quan.

Việc giảm tỷ lệ luồng đỏ cũng đồng nghĩa doanh nghiệp giảm được chi phí, nhân lực cho việc phải kiểm tra hàng hóa thực tế. Ví dụ như mỗi container làm thủ tục tại cảng biển nếu bị phân luồng đỏ sẽ mất trung bình 1,8 triệu đồng chi phí mở container, đó là chưa kể phải điều động 2 đến 3 nhân viên cùng tham gia giám sát hàng hóa khi cơ quan hải quan có yêu cầu.

## **2.6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

Là một đơn vị trực tiếp thực hiện các chính sách liên quan đến hoạt động XNK của rất nhiều các doanh nghiệp, Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 luôn nhận thức sâu sắc thời cơ và thách thức đối với công tác quản lý Nhà nước về Hải quan cũng như vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn quản lý trên từng giai đoạn.

Các Đội công tác của Chi cục đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời tích cực tham gia vào các giải pháp, góp phần tham gia vào việc đẩy nhanh tốc độ thông quan hàng hóa.

Thực hiện các giải pháp cải cách mà trọng tâm là thực hiện thành công dự án mô hình thông quan điện tử một cửa quốc gia cũng tạo điều kiện để cán bộ công chức hải quan tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xu thế hội nhập, hạn chế tiêu cực và sai sót nghiệp vụ. Cán bộ công chức trong chi cục đều phấn khởi, yên tâm công tác.

Ý thức chấp hành pháp luật của đại đa số các doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục đã được nâng lên một bước.

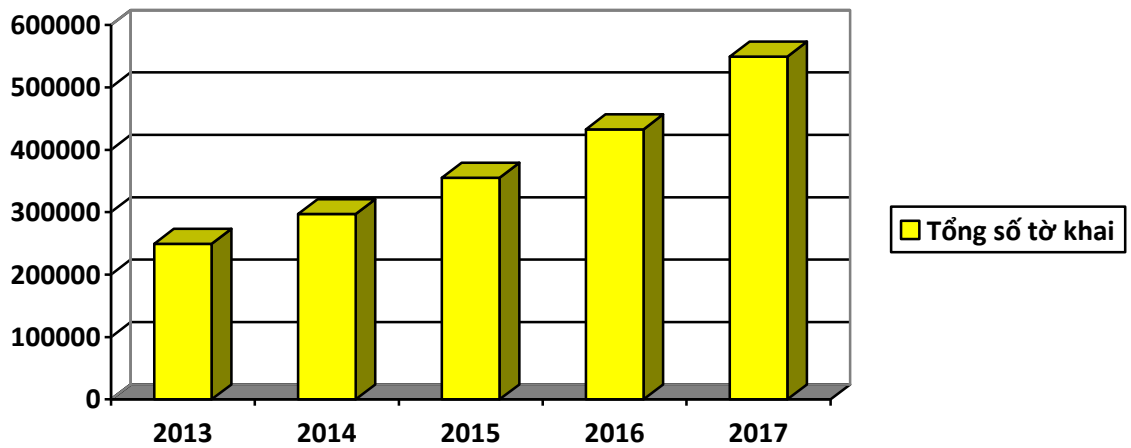
Đã thu hút được một lượng lớn doanh nghiệp tới làm thủ tục tại đơn vị, được cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan liên quan đánh giá cao về hiệu quả công tác.

Chính vì vậy, hoạt động của Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 ngày càng phát huy hiệu quả và đóng góp ngày càng lớn vào tổng thu NSNN của thành phố Hải Phòng. Công tác thu NSNN đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quyết định rất quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố.

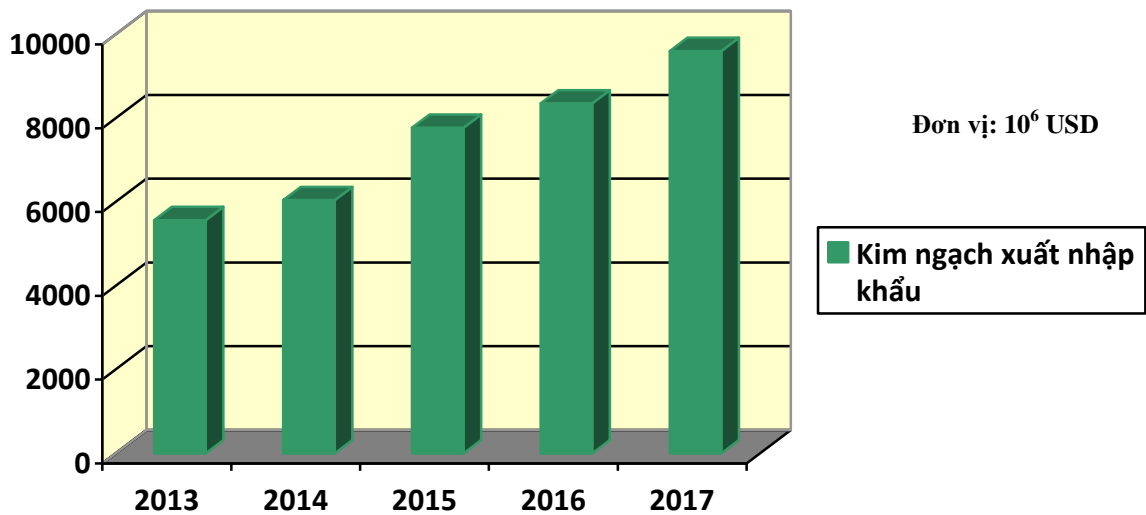
Kết quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử qua việc đăng ký tờ khai từ khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử VNACCS/VCIS tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 đến nay thể hiện theo các bảng 2.4 và hình 2.12; hình 2.13 và hình 2.14 sau:

**Bảng 2.4. Tổng số tờ khai, Kim ngạch XNK và Tổng số thuế phải nộp từ  
2013 - 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3**

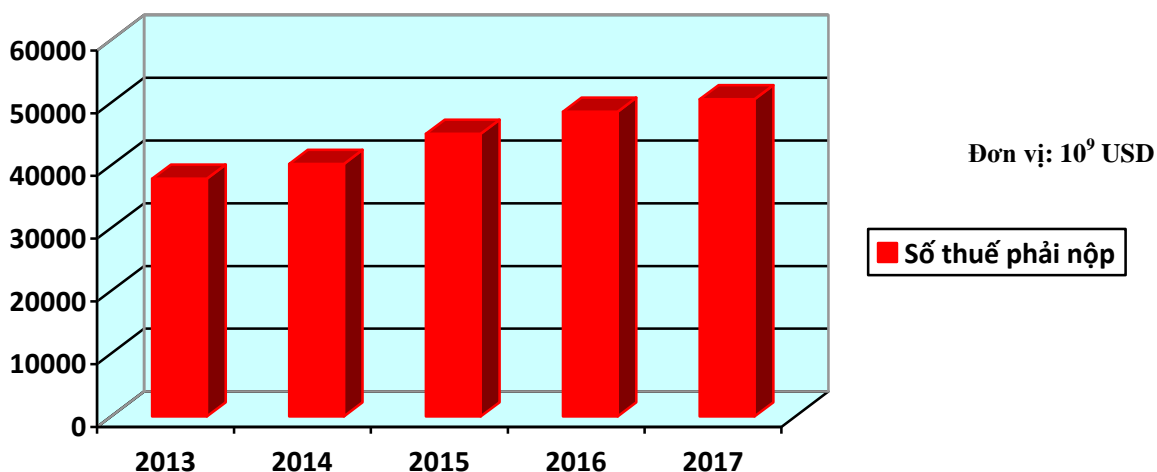
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM				
		2013	2014	2015	2016	2017
SỐ TỜ KHAİ	Tờ	249.400	296.900	355.301	432.741	549.257
KIM NGẠCH	10 <sup>6</sup> USD	5.567	6.043	7.771	8.353	9.604
SỐ THUẾ PHẢI NỘP	10 <sup>9</sup> VND	37.843	40.199	45.014	48.545	50.531
<b>CHÊNH LỆCH</b>						
SỐ TỜ KHAİ	Tờ	-	47.500	58.401	77.440	116.516
KIM NGẠCH	10 <sup>3</sup> USD	-	476	1.728	582	1.251
SỐ THUẾ PHẢI NỘP	10 <sup>6</sup> VND	-	2.356	4.815	3.531	1.986
<b>SƠ SÁNH</b>	%					
SỐ TỜ KHAİ	%	-	19,05	19,67	21,80	26,93
KIM NGẠCH	%	-	8,55	28,60	7,49	14,98
SỐ THUẾ PHẢI NỘP	%	-	6,23	11,98	7,84	4,09



**Hình 2.12. Tổng số tờ khai từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.**



**Hình 2.13. Kim ngạch XNK từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.**



**Hình 2.14. Thuế XNK phải nộp từ năm 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.**

Qua số bảng trên thể hiện số lượng tờ khai thực hiện tại Chi cục từ khi bắt đầu thực hiện thủ tục hải quan điện tử VINACCS/VICIS đến nay ổn định về số lượng, kim ngạch thay đổi theo hướng tăng và số thuế ra thông báo tăng nhiều. Tuy nhiên khi bắt đầu triển khai có rất nhiều vướng mắc do cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan phải thực hiện trên hệ thống hoàn toàn mới thay thế các hệ thống trước đây đã thực hiện được hơn 10 năm. Với sự nỗ lực của cả cơ quan Hải quan và doanh nghiệp giai đoạn 1 về thực hiện thủ tục Hải quan VNACCS/VICIS đã thành công.

Mặt khác, năm 2017 nền kinh tế đã phục hồi và phát triển rất nhiều, các chính sách mới của Nhà nước về ưu đãi cho Doanh nghiệp được áp dụng. Chi cục đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp tới làm thủ tục, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, cải cách thủ tục hành chính và đặc biệt triển khai thành công hệ thống thông quan điện tử VINACCS/VICIS có chất lượng cả chiều rộng và chiều sâu, quan tâm tới tất cả các khâu doanh nghiệp làm thủ tục. Đặc biệt là chi cục duy nhất trên toàn quốc được áp dụng giám sát hải quan bằng đèn án mã vạch tại khu vực cảng biển, giảm thời gian thông quan hàng hóa nhưng vẫn đảm bảo công tác quản lý nhà nước về Hải quan. Số thu ngân sách năm 2014 đạt 40.199 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao và tăng 6,23% so với năm 2013, năm 2015 đạt 45.014 tỷ đồng và tăng 11,98% so với năm 2014, năm 2016 đạt 48.545 tỷ đồng và tăng 7,84% so với năm 2015, năm 2017 đạt



50.531 tỷ đồng và tăng 4,09% so với năm 2016, kim ngạch XNK trong năm 2014 là 6,043 tỷ USD tăng 8,55% so với năm 2013, kim ngạch XNK trong năm 2015 là 7,771 tỷ USD tăng 28,60% so với năm 2014, kim ngạch XNK trong năm 2016 là 8,353 tỷ USD tăng 7,49% so với năm 2015, kim ngạch XNK trong năm 2017 là 9,604 tỷ USD tăng 8,55% so với năm 2016, số lượng 549.257 tờ khai đã làm thủ tục trong năm 2017.

Qua số liệu phân tích tại bảng các bảng trên cũng cho thấy tỷ lệ tờ khai, kim ngạch thông quan theo phương thức điện tử và tổng số thuế thu nhập ngân sách trong năm 2017 là rất lớn. Kết quả này là sự ghi nhận những ưu điểm của thủ tục hải quan điện tử thông quan một cửa quốc gia VINACCS/VICIS [16].

## **2.7. ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU, KHÓ KHĂN, BẤT CẬP ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

### **2.7.1. Thành tựu**

#### **\* Đối với cơ quan hải quan**

Trong thời gian vừa qua, việc thực hiện thông quan điện tử tại Chi cục đã đạt được một số kết quả quan trọng, giúp giảm thời gian thông quan, qua đó tiết kiệm thời gian, nhân lực và chi phí cho doanh nghiệp. đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của cơ quan hải quan.

Mức độ điện tử hóa được nâng lên một bước, cụ thể như sau:

- Tờ khai hải quan đã được điện tử hóa hoàn toàn; các chứng từ khác trong bộ hồ sơ hải quan được điện tử hóa trên cơ sở chuyển đổi từ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử.

- Hồ sơ hải quan dựa trên chứng từ điện tử: Tờ khai hải quan được điện tử hóa và có giá trị như tờ khai giấy, các chứng từ khác điện tử hóa thông qua hình thức chuyển đổi chứng từ giấy sang thông tin điện tử và khai tới cơ quan hải quan (theo quy định của Luật giao dịch điện tử).

- Xử lý thông tin khai hải quan tự động: Đã kiểm tra hợp lệ, hợp chuẩn thông tin khai báo; đã kiểm tra cảnh báo chính sách mặt hàng cho một số danh

mục hàng hoá quản lý theo chuyên ngành do các Bộ, Ngành công bố đã chuẩn hoá theo mã HS.

- Đã áp dụng phương thức quản lý dựa trên kỹ thuật quản lý rủi ro để đánh giá độ tuân thủ và phân luồng hàng hóa dựa trên bộ tiêu chí quản lý rủi ro và hồ sơ tuân thủ doanh nghiệp thay cho việc kiểm soát từng giao dịch xuất nhập khẩu.

- Hiện tại thời gian thông quan đối với các lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra hải quan là khoảng 3 giây; đối với các lô hàng phải kiểm tra hồ sơ từ 5 phút - 20 phút; đối với các lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa phụ thuộc vào thời gian kiểm tra hàng.

- Với lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra hải quan, doanh nghiệp được khai và thực hiện thủ tục hải quan tại trụ sở doanh nghiệp (hiện nay, số lượng lô hàng thuộc diện này chiếm khoảng 50% trên tổng số lượng tờ khai).

- Giảm số lượng chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan phải nộp: Đối với lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra hải quan, doanh nghiệp chỉ cần khai tờ khai hải quan còn các chứng từ khác lưu tại Doanh nghiệp; Đối với lô hàng phải qua kiểm tra hồ sơ, doanh nghiệp cũng chỉ phải nộp các chứng từ (có thể dưới dạng chứng từ điện tử được chuyển hóa từ chứng từ giấy) khi có yêu cầu của cơ quan Hải quan.

- Thông quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược phát triển Việt Nam đến năm 2020 và Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa hải quan, phù hợp với định hướng phát triển của Hải quan thế giới và khu vực.

- Thông quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS góp phần đảm bảo việc thống nhất, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian thông quan và hạn chế việc tiếp xúc của công chức hải quan với người làm thủ tục hải quan, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan.

- Việc chuyển đổi mô hình thực hiện thủ tục hải quan điện tử là một quyết định đúng đắn, đã tạo sức lan tỏa lớn, phù hợp với thực tiễn và trình độ phát triển hiện tại của ngành Hải quan; nâng cao tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các Cục hải quan tỉnh, thành phố; mang lại nhiều lợi ích cho doanh

ng nghiệp và góp phần thúc đẩy cải cách hành chính hiện đại hóa hải quan theo Đề án 30 của Chính phủ.

- Từng bước cải cách hoạt động nghiệp vụ theo hướng phù hợp với chuẩn mực của hải quan hiện đại trong khu vực và thế giới; góp phần đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ hải quan. Tờ khai hải quan điện tử được chấp nhận và có căn cứ pháp lý để thông quan hàng hóa. Thời gian thông quan giảm, tỷ lệ luồng xanh tăng, giảm việc tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và công chức hải quan trong khâu thông quan.

- Các khâu khai, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ điện tử, ra quyết định, phản hồi cho doanh nghiệp đã bước đầu được tự động hóa và thực hiện trên cơ sở dữ liệu điện tử; phù hợp với phương thức mà hải quan các nước tiên tiến trong khu vực đang áp dụng.

- Việc triển khai thông quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS đã mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp, đáp ứng các yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thời gian thông quan đối với các lô hàng thực hiện thủ tục hải quan điện tử giảm đáng kể; các doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS đã được tạo các điều kiện thuận lợi khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử, được hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc kịp thời. Qua điều tra, lấy ý kiến của các doanh nghiệp thì hầu hết đều đồng tình, ủng hộ chủ trương mở rộng thủ tục hải quan điện tử và đánh giá cao phương thức này.

**\* Đối với người khai hải quan**

- Quy trình thủ tục hải quan điện tử đơn giản hài hòa và thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế sẽ góp phần làm giảm thời gian thông quan hàng hóa cụ thể hiện nay thời gian chỉ còn từ 5 giây (đối với luồng xanh), giảm chi phí và tiết kiệm thời gian và nhân lực cho doanh nghiệp do doanh nghiệp. Đặc biệt, doanh nghiệp không phải đến trụ sở của cơ quan hải quan như theo phương thức hải quan truyền thống trước đây mà có thể tự khai tại bất cứ địa điểm nào có máy tính kết nối mạng và được thông quan ngay đối với lô hàng được xếp vào trường hợp được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực

tế hàng hóa, đối với trường hợp này khi hệ thống đã chấp nhận thông quan, doanh nghiệp tự in tờ khai không phải tới đội thủ tục mà ra thẳng khu vực giám sát làm tiếp thủ tục lấy hàng ngay (thời gian 1 phút tại bộ phận này). Trường hợp đối với những hàng hóa thuộc luồng vàng và đỏ thì thủ tục hải quan cũng không phức tạp. Doanh nghiệp có thể tải mẫu đơn đăng kí trên các website của Tổng cục Hải quan và sau ba ngày sẽ được cấp giấy xác nhận kèm theo tài khoản và mã truy cập của hệ thống khai báo hải quan điện tử. Khi đến nộp hồ sơ thì các dữ liệu thông tin về lô hàng đã được xác định trước, vì thế doanh nghiệp sẽ mất ít thời gian chờ đợi để làm thủ tục thông quan lô hàng. Việc này giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại làm thủ tục hải quan, thông qua đó tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo được niềm tin của doanh nghiệp tới các chính sách, giải pháp của ngành hải quan nói riêng và của Nhà nước nói chung. Được sự ủng hộ của doanh nghiệp cũng chính là thành công của cơ quan hải quan trong việc đẩy nhanh tiến độ ứng dụng hải quan điện tử, hiện đại hóa ngành hải quan.

- Với hệ thống máy tính được kết nối với hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan thì doanh nghiệp có thể chủ động được thời gian đăng kí tờ khai trên hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan, chủ động trong việc sắp xếp thời gian nhận và xuất hàng hóa vì doanh nghiệp có thể đăng kí tờ khai bất cứ lúc nào chứ không bắt buộc phải đăng kí vào khung giờ hành chính theo phương pháp thủ công truyền thống như trước kia.

- Nhờ ứng dụng thủ tục hải quan hiện đại, nên doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Điều này tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp khi làm ăn kinh doanh với các đối tác nước ngoài và mở rộng thị trường quốc tế. Bởi vì khi tham gia trên thị trường quốc tế thì doanh nghiệp bắt buộc phải nắm được các Luật lệ, thông tục của các nước trên thế giới, nhờ đó mà có thể đẩy nhanh tiến độ ký kết hợp đồng, hợp tác làm ăn.

Một số trường hợp đặc biệt được tạo thuận lợi như trường hợp đối với những doanh nghiệp là thương nhân được ưu tiên đặc biệt còn được hưởng những lợi ích như được sử dụng tờ khai hải quan tạm để giải phóng hàng, được

hoàn thành thủ tục thông quan trên cơ sở sử dụng tờ khai điện tử một lần/một tháng cho tất cả hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu thường xuyên với cùng một đối tác và cùng một loại hình xuất khẩu nhập khẩu, đã được giải phóng hàng theo các tờ khai tạm và được kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa tại trụ sở của thương nhân ưu tiên đặc biệt hoặc tại địa điểm khác do thương nhân ưu tiên đặc biệt đăng ký và được cơ quan hải quan chấp nhận, được thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thời gian 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. Đây là chính sách tích cực của cơ quan Nhà nước động viên và khích lệ doanh nghiệp tham gia ứng dụng TTHQĐT và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực hải quan.

- Dựa trên nền tảng công nghệ của Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS được áp dụng hiệu quả ở Nhật Bản, hệ thống VNACCS/VCIS cùng với các hệ thống công nghệ thông tin vệ tinh: hệ thống thông quan điện tử tập trung, hệ thống trị giá tính thuế và hệ thống kế toán thuế được thực hiện tự động hóa ở cấp độ cao cho phép nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp gấp nhiều lần so với hiện nay. Vận hành hệ thống VNACCS/VCIS sẽ giúp cộng đồng gần 40.000 doanh nghiệp đang tham gia thực hiện thủ tục hải quan điện tử ở nước ta được thụ hưởng nhiều lợi ích vượt trội hơn so với trước đây, điển hình như :

- *Tiếp nhận hồ sơ khai báo:* Khi áp dụng VNACCS/VCIS, hệ thống sẽ tự động kiểm tra và tiếp nhận. Việc này sẽ hạn chế được sự tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và hải quan, đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan

- *Khai báo hải quan:* Hệ thống sẽ xử lý hoàn toàn tự động từ việc tiếp nhận, xử lý đến phân luồng với thời gian xử lý diễn ra rất nhanh và độ chính xác cao hơn. Cụ thể thời gian xử lý thông quan trung bình với luồng xanh là 3 giây.

- *Khai bổ sung sau thông quan:* Hệ thống VNACCS/VCIS còn cho phép doanh nghiệp khai bổ sung sau thông quan. Nếu cơ quan hải quan phát hiện ra những sai sót trong nội dung khai báo thì sẽ thông báo cho người khai hải quan biết để hiệu chỉnh và khai bổ sung.

- *Chuẩn hóa loại hình hàng hóa xuất nhập khẩu:* Với VNACCS/VCIS, hệ thống đã chuẩn hóa còn hơn 40 loại hình cụ thể. Ngoài ra, hệ thống VNACCS còn hỗ trợ khai đơn giản đối với hàng hóa trị giá thấp. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong quá trình thực hiện khai báo một tờ khai hải quan với các loại hình sát hơn với thực tế của doanh nghiệp.

- *Trị giá tính thuế:* Hệ thống VNACCS/VCIS cho phép gộp một số chỉ tiêu của tờ khai trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch vào tờ khai nhập khẩu. Do đó, về cơ bản, đối với phương pháp trị giá giao dịch không cần phải khai riêng tờ khai trị giá như hiện nay. Hệ thống cũng tự động phân bổ các khoản điều chỉnh theo tỷ lệ trị giá hóa đơn, từ đó tự động tính toán trị giá tính thuế cho từng dòng hàng.

- *Thuế và tính thuế:* Hệ thống hải quan điện tử cũ không cho phép tính thuế tự động. Tuy nhiên, với hệ thống VNACCS/VCIS chức năng tính thuế tự động đã được hoàn thiện. Hệ thống VNACCS/VCIS hỗ trợ việc tính thuế tự động, tự động tìm thuế suất theo mã HS (thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), theo mã phân loại thuế suất (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,...). Tuy nhiên, hệ thống cũng có cơ chế linh hoạt để người khai có thể tự nhập thuế suất. Bên cạnh đó, hệ thống VNACCS/VCIS còn có chức năng tính toán các loại thuế khác khi phát sinh (thuế bảo vệ môi trường, thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống phân biệt đối xử...).

- *Danh mục ưu đãi miễn thuế:* Đây là một trong những điểm mới, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đăng ký danh mục miễn thuế để nhập khẩu hàng hóa với dự án được ưu đãi đầu tư. Bởi lẽ, hệ thống VNACCS/VCIS cho phép xử lý hoàn toàn tự động đối với doanh nghiệp khi danh mục ưu đãi miễn thuế. Đặc biệt, ở tỉnh ta khi số lượng danh mục miễn thuế ngày càng tăng thì hình thức đăng ký danh mục trên VNACCS/VCIS này sẽ góp phần đơn giản hóa thủ tục hải quan và tiết kiệm được thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, Hệ thống đã chuẩn hóa loại hình hàng hóa xuất nhập khẩu chỉ còn 38 loại hình cụ thể, giúp doanh nghiệp dễ dàng trong thực hiện khai báo. Tính năng cho phép gộp một số chỉ tiêu của tờ khai trị giá theo phương pháp trị

giá giao dịch và tờ khai nhập khẩu. Trong tương lai, khi hệ thống đã được xây dựng, phát triển hoàn thiện trở thành hệ thống một cửa quốc gia, kết nối được với các Bộ ngành, sẽ tạo thuận lợi lớn hơn cho doanh nghiệp, tiết kiệm được nhiều thời gian và giảm chi phí hơn.

### **2.7.2. Những khó khăn, bất cập**

Thực tế việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan CK cảng Hải Phòng KVIII, đặc biệt là thủ tục điện tử VNACCS/VCIS cho thấy Chi cục đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn một số vướng mắc, bất cập ảnh hưởng nhiều đến tốc độ làm thủ tục của công chức và thời gian thông quan của doanh nghiệp, đó là:

#### **\* Về cơ chế chính sách**

Một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ hoặc còn chồng chéo với một số văn bản quy phạm pháp luật trong và ngoài ngành, một vài loại hình chưa có một quy trình thống nhất khiến cho Hải quan địa phương rất khó thực hiện, hoặc thực hiện không đồng nhất gây ra nhiều khó khăn cho cả cơ quan hải quan và cộng đồng Doanh nghiệp

#### **\* Về cơ sở vật chất kỹ thuật**

Hệ thống tiếp nhận và thông quan là VINACCS, tuy nhiên thực hiện qua khu vực giám sát, công chức lại thao tác trên hệ thống vệ tinh của Vinaccs là hệ thống E - custom (hai hệ thống khác biệt, không tích hợp), như vậy khó khăn cho công chức giám sát và ngược lại, mỗi khi có nhu cầu phải mở hệ thống cần khai thác. Mặt khác trên hệ thống một số chức năng phục vụ yêu cầu về quản lý nhà nước về hải quan còn thiếu, chưa đầy đủ như: chức năng hỗ trợ công tác giám sát, quản lý hàng hóa (các tờ khai vận chuyên, các danh mục miễn thuế, tờ khai tạm nhập tái xuất, tờ khai sửa đổi bổ sung sau thông quan, trừ lùi giấy phép; chức năng kiểm tra, xác định giá, thông tin cảnh báo của khâu trước cho khâu sau, cập nhật thời hạn nợ c/o, cập nhật hồ sơ vi phạm...); các chức năng về báo cáo thông kê, các chức năng khác phục vụ các công tác quản lý hải quan. Điều này dẫn tới việc quản lý, tra cứu thống kê còn phức tạp, công tác báo cáo còn thao tác nhiều công đoạn.

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với 01 lô hàng xuất nhập khẩu tại tất cả các khâu trong quy trình công chức và người khai hải quan thực hiện khai thác, thao tác hầu hết trên cơ sở hệ thống (người khai khai báo truyền thông tin lên hệ thống, công chức thao tác từ tra cứu nợ thuế, và các bước tiếp theo đến khi thông quan đều thực hiện trên hệ thống, doanh nghiệp tự in tờ khai không cần phải có dấu và chữ ký của công chức tiếp nhận mà xuất trình thẳng cho công chức giám sát, công chức giám sát đối chiếu trên hệ thống phù hợp thì cho phép hàng hóa qua khu vực giám sát...). Tuy nhiên tốc độ đường truyền dữ liệu tới đơn vị cửa khẩu thấp, truyền nhận dữ liệu điện tử vẫn xảy ra trục trặc và sự cố lỗi mạng, nghẽn mạng tại các hệ thống VNACCS và E - CUSTOM hay xảy ra, ảnh hưởng lớn đến tiến độ khai báo, thời gian thông quan của doanh nghiệp, đôi lúc gây bức xúc cho doanh nghiệp nhất là vào các thời gian cao điểm.

Hiện Chi cục được trang bị 01 máy chủ và 133 máy trạm, về số lượng đủ 1 máy trạm/01 công chức thực hiện nghiệp vụ hải quan điện tử, tuy nhiên một số lượng đáng kể máy đã cũ, cấu hình thấp, cũng ảnh hưởng tới thao tác của công chức Hải quan.

#### **\* Các công cụ hỗ trợ hoạt động thông quan điện tử**

Theo phản ánh của doanh nghiệp: tỷ lệ hàng hóa phân vào luồng Đỏ và luồng Vàng tăng so với trước đây. Lý do là hệ thống VNACCS/VCIS thông quan tự động hàng hóa, việc phân luồng là do hệ thống QLRR chỉ dẫn và hệ thống trực tiếp phân luồng tờ khai (hệ thống chưa có đầy đủ về những chức năng QLRR, các thông tin cảnh báo của hệ thống hỗ trợ cho việc phân luồng mang tính chung chung mức độ chính xác không cao, việc cập nhật các thông tin phục vụ cho việc QLRR các thông tin phục vụ cho việc QLRR và phân luồng tờ khai tự động chưa thực sự kịp thời) khó khăn trong việc xử lý phân luồng tờ khai.

Trường hợp một lô hàng doanh nghiệp khai báo, truyền nhiều lần, qua Chi cục hoặc các Chi cục khác nhau, sau đó lựa chọn tờ khai hệ thống phân luồng 1 (xanh) để thông quan và làm công văn xin hủy các tờ khai còn lại. Hiện tượng này xảy ra là do hệ thống chưa có chức năng cập nhật các tiêu chí rủi ro cảnh



báo việc khai báo trùng thông tin rất dễ cho các doanh nghiệp lợi dụng để gian lận thương mại.

#### **\* Thủ tục hành chính**

Các thủ tục hành chính cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến thủ tục hải quan điện tử. Hiện tại một số thủ tục hành chính còn nhiều khâu, chưa được tinh giản, văn bản còn chồng chéo chưa nhất quán, chưa phù hợp, chậm được chuẩn hóa theo hướng đơn giản và thuận lợi gây khó khăn cho doanh nghiệp.

#### **\* Chức năng hệ thống**

Mặc dù tại Thông tư 22/2014/TT-BTC loại hình thủ tục hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan thuộc phạm vi điều chỉnh, nhưng do loại hình này hệ thống VNACCS hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu về quản lý, nên tại Chi cục khi làm thủ tục vẫn đăng ký tờ khai cho loại hình này trên tờ khai giấy (phương pháp thủ công, không thực hiện được trên hệ thống điện tử).

Thủ tục thanh khoản đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất, không yêu cầu doanh nghiệp phải xuất trình tờ khai đã có xác nhận xuất khẩu, công chức căn cứ trên hệ thống làm thủ tục thanh khoản cho tờ khai, tuy nhiên trên hệ thống chưa có chức năng cập nhật thanh khoản hoặc không có ô tiêu chí ghi chú để cập nhật tờ khai đã thanh khoản. Đối với các tờ khai có thuế suất 0% thì không có cơ sở lưu trữ, hoặc ghi nhận để biết lô hàng đã thanh khoản xong, rất khó khăn cho công tác quản lý của cơ quan Hải quan trong trường hợp này.

#### **\* Phối kết hợp điện tử giữa ngành Hải quan với các Cơ quan liên quan**

Đối với các mặt hàng cần có giấy phép nhập khẩu hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành của các Bộ, Ngành (như tân dược, nguyên phụ liệu thuốc lá), phải có giấy phép kiểm dịch động vật, thực vật (như sữa, bột mì); phải có giấy đăng ký kiểm tra chất lượng (dụng cụ điện, nguyên liệu sản xuất thực phẩm), khi thực hiện TTHQĐT sẽ được phân vào luồng vàng. Doanh nghiệp phải xuất trình các giấy tờ cho phép XNK đối với các mặt hàng này cho cơ quan Hải quan. Hiện nay, các Bộ Ngành chưa có kết nối điện tử với chương trình thông quan trên hệ thống, nên việc tra cứu nhanh, kịp thời chưa thực hiện được.

Thực hiện công tác hiện đại hóa thu nộp ngân sách, hiện nay đã có 17 ngân hàng đã ký thỏa thuận phối hợp thu ngân sách với Tổng cục Hải quan, theo đó hệ thống kết nối trực tuyến giữa các ngân hàng với cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, đã đem lại nhiều lợi ích cho người nộp thuế như: quy trình thủ tục đơn giản, thuận tiện, giảm thời gian làm thủ tục hải quan, giảm thời gian thông quan, từ đó giảm các chi phí phát sinh cho doanh nghiệp. Tuy nhiên một số doanh nghiệp chưa nhận thức việc này nên họ chưa tham gia. Mặt khác đôi khi hệ thống có sự cố hoặc ngân hàng chưa chú trọng cập nhật kịp thời số thuế doanh nghiệp đã nộp trên hệ thống nên việc nhận thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, doanh nghiệp đi lại nhiều phát sinh chi phí và tăng thời gian làm thủ tục.

#### **\* Quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp**

Xác định tầm quan trọng trong quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp, trong những năm qua, Ngành Hải quan đã và đang nỗ lực xây dựng, thúc đẩy mối quan hệ trên ngày càng phát triển, hiệu quả.. Ngành Hải quan đã cải tiến rất nhiều từ các khâu thủ tục hành chính, chính sách... cho đến việc “chấn chỉnh” lại phương pháp, thái độ làm việc, sẵn sàng lắng nghe, hợp tác để tháo gỡ vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khi đến làm việc với cơ quan Hải quan. Đối với thực hiện thủ tục hải quan điện tử nội dung này là một trong những yếu tố góp phần thành công trong triển khai thực hiện. Tuy nhiên, thực tế cách làm và triển khai trong quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp vẫn còn một khoảng cách, gặp khó khăn do chưa có chương trình tổng thể và nhất quán, thiếu kinh nghiệm thực tế, thường bị động để xử lý những vấn đề phát sinh và phần nhiều là xuất phát từ tâm lý. Các doanh nghiệp còn “e dè” và có phần chưa đồng hành cùng cơ quan Hải quan. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh nghiệp chưa nắm rõ và cập nhật kịp thời các quy định, văn bản pháp luật hiện hành, nhất là các quy định, chính sách liên quan đến công tác hải quan mới ban hành.

#### **\* Nguồn nhân lực**

Qua thực tế triển khai TTHQĐT tại Chi cục, ta thấy số lượng CBCC triển khai còn hạn chế, trong khi số lượng công việc tăng nhanh và sức ép lớn nên xử lý một số việc đôi lúc còn chậm. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một bộ phận CBCC hải quan chưa nắm vững quy định nghiệp vụ, có thái độ gây phiền hà, sách nhiễu làm kéo dài thời gian thông quan, tăng chi phí của doanh nghiệp.

### ***2.7.3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc về thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3.***

Thông quan điện tử là một vấn đề mới, không có mô hình nguyên mẫu nào phù hợp ngay với Việt Nam, do vậy việc triển khai thí điểm phải dựa trên cơ sở vừa nghiên cứu, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, đã tiêu tốn quỹ thời gian không nhỏ.

Hệ thống VNACCS/VCIS là một hệ thống mới đòi hỏi phải chuẩn hóa cao, trong giai đoạn đầu một số doanh nghiệp còn ngỡ ngàng, chưa thành thạo trong khai báo nên khai chưa chính xác làm ảnh hưởng đến quá trình thông quan, Doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đối tác quan trọng của Hải quan trong thủ tục hải quan điện tử vẫn còn có bộ phận chưa thực sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm thủ tục hải quan để thực hiện thủ tục hải quan điện tử được hiệu quả.

Nguồn lực để triển khai của đơn vị còn hạn chế và không có đủ kinh nghiệm để bao quát hết tất cả các nội dung nghiệp vụ trong thủ tục hải quan điện tử. Số lượng công chức đủ trình độ triển khai hạn chế trong khi số lượng công việc, thao tác nghiệp vụ tăng nhanh nên đôi khi việc xử lý vướng mắc còn chậm chưa kịp thời.

Vấn đề công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò thiết yếu để triển khai thủ tục hải quan điện tử. Tuy nhiên cho đến nay nhiều quy định của Luật Giao dịch điện tử và Nghị định hướng dẫn thi hành vẫn chưa đi vào cuộc sống, đặc biệt là quy định về chữ ký điện tử. Hạ tầng kỹ thuật của Việt Nam chưa đáp ứng được việc triển khai giao dịch điện tử theo đúng chuẩn mực của thế giới và khu vực;

Việc kết nối công thông tin điện tử Hải quan với các bộ ngành liên quan chưa được hoàn thiện.

Chưa có thông tin đầy đủ để đánh giá độ tuân thủ của doanh nghiệp trong việc xây dựng hồ sơ doanh nghiệp cũng như đánh giá rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử.

Chưa có sự phối hợp hiệu quả của các bộ ngành với cơ quan Hải quan trong việc cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý rủi ro.

Mặc dù đã nhận được sự phối hợp của các bộ ngành liên quan trong việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử, song vẫn chưa thực sự đảm bảo yêu cầu.

Hạ tầng mạng và thiết bị vẫn chưa đầy đủ. Nhà cung cấp dịch vụ vẫn chưa được công nhận chính thức nên chưa đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như hỗ trợ tốt cho khách hàng. Công tác tuyên truyền chưa được thực hiện đầy đủ đến các đối tượng tham gia thủ tục hải quan điện tử cả trong và ngoài Ngành.

Vấn đề trao đổi thông tin kịp thời giữa các cơ quan nhà nước (các Bộ, ngành cấp giấy phép, Ngân hàng thương mại, Kho bạc...) cũng còn hạn chế nên ảnh hưởng phần nào đến thông quan của doanh nghiệp (Thí dụ: độ trễ của việc luân chuyển thông tin từ Ngân hàng thương mại đến Kho bạc... ảnh hưởng đến việc xác định ân hạn thuế cho doanh nghiệp...)

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ CỦA NGÀNH HẢI QUAN VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ CỦA CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

#### ***3.1.1 Định hướng chung***

Hệ thống quy trình thủ tục hải quan, quy chế quản lý hải quan phải được xây dựng đầy đủ, minh bạch, đơn giản, hài hoà, thống nhất, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu hội nhập và hiện đại hoá.

Trang thiết bị kỹ thuật hiện đại tại một số địa bàn trọng điểm có lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải và hành khách xuất nhập cảnh lớn.

Sắp xếp lại tổ chức bộ máy hải quan, khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, kịp thời đáp ứng yêu cầu cải cách về quy trình nghiệp vụ hải quan, hướng tới đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại;

Chuẩn bị mọi mặt cho việc thay đổi phương thức quản lý nhân sự theo yêu cầu hiện đại; triển khai Chiến lược đào tạo tập trung cho một số lĩnh vực nghiệp vụ quan trọng (phân loại hàng hoá, xác định trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa, kiểm tra sau thông quan, thông tin tình báo, quản lý rủi ro, kiểm soát chống buôn lậu) và liên chính hải quan.

#### ***3.1.2. Định hướng chi tiết***

##### ***Mục tiêu:***

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ quan trọng trong Kế hoạch triển khai hiện đại hóa hải quan là một trong những nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu hướng tới thủ tục hải quan điện tử. Đến năm 2017, về cơ bản hệ thống thông tin đạt ngang mức các nước phát triển khá trong ASEAN.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hải quan phải được tiến hành đồng bộ, tương thích với các quy trình thủ tục hải quan, đặc biệt là quy trình thủ tục hải quan điện tử, phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử giai đoạn hai, gắn bó chặt chẽ với quá trình cải cách và hiện đại hóa của Ngành. Tập trung tối đa vào việc tin học hóa quy trình thủ tục hải quan.

Đảm bảo cho hệ thống thông tin quản lý phục vụ chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Tổng cục đến các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các Chi cục Hải quan trên phạm vi toàn quốc.

***Các chỉ tiêu:***

- Trước mắt ưu tiên kết nối thông tin, dữ liệu điện tử với các Bộ, ngành và các bên liên quan: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương; đại lý vận tải, hãng vận tải... từ 60% - 80%;

- Kết nối mạng với trung tâm chức năng trong nội bộ Bộ Tài chính 80% - 90% (Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế);

- 90% công chức hải quan trao đổi, sử dụng thuần thục chương trình ứng dụng quản lý công tác văn phòng của ngành Hải quan, sử dụng thành thạo các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc;

- 90% các văn bản của ngành Hải quan được trao đổi trên mạng nội bộ của Ngành;

- 70% công việc được xử lý trên mạng nội bộ của ngành Hải quan.

***Giải pháp và hoạt động thực hiện mục tiêu:***

- Xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu tập trung tại Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và hướng tới cấp Tổng cục; thành lập trung tâm xử lý dữ liệu tại Hà Nội, duy trì hoạt động liên tục 24h/ngày;

- Thành lập cổng dữ liệu điện tử kết nối với các cơ quan Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các đối tác có liên quan. Đưa Website Hải quan trở thành cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp, cụ thể: có đầy đủ 100% thông tin về quy trình thủ tục (hướng dẫn quy trình, các bước tiến hành, thời gian thực hiện); cho phép khả năng tải các biểu mẫu, đơn, hồ sơ hải quan. Người khai hải quan có thể in ra giấy hoặc

điền vào các mẫu khai gửi thông tin khai hải quan trước cho cơ quan Hải quan, thực hiện khai hải quan từ xa qua mạng và thông quan điện tử;

- Tích hợp một số chức năng cơ bản, chuẩn hóa, tập trung cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý hải quan;

- Đảm bảo hạ tầng mạng công nghệ thông tin, an ninh, an toàn mạng;

- Hoàn thiện cơ chế vận hành, bảo trì, bảo dưỡng cho toàn bộ hệ thống;

- Tập trung hóa cơ sở dữ liệu về cấp Tổng cục Hải quan và cấp Cục Hải quan trọng điểm để đảm bảo kết nối với việc triển khai dự án hiện đại hóa hải quan theo nguồn vốn WB;

- Xây dựng, hoàn thiện kho dữ liệu điện tử cơ sở dữ liệu quốc gia về hàng hóa xuất nhập khẩu, cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro phục vụ cho công tác quản lý điều hành nghiệp vụ, thông kê hải quan và quản lý rủi ro...;

- Tích hợp các ứng dụng cơ bản phục vụ quy trình thủ tục tại Chi cục như hệ thống thông tin: quản lý tờ khai, quản lý thuế, quản lý phân luồng hàng hóa, quản lý giám sát ...;

- Hình thành hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý rủi ro đầy đủ ở các khâu trong quy trình thủ tục theo tiêu chuẩn quốc tế;

- Thực hiện 90% kết nối trao đổi dữ liệu điện tử với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính: Hải quan, Thuế, Kho bạc;

- Đảm bảo các dữ liệu của Chi cục, của Cục và của Ngành, hoạt động thông suốt với mức độ an ninh, an toàn cao;

- Hình thành được tổ chức mạng lưới giá trị gia tăng có năng lực để đảm bảo làm khâu trung gian kết nối dữ liệu điện tử giữa Hải quan và bên ngoài.

### ***3.1.3. Xây dựng kế hoạch cho triển khai giai đoạn 2 của dự án thủ tục hải quan điện tử một cửa quốc gia VNACCS/VCIS.***

Tiếp tục triển khai hệ thống VNACCS/VCIS có chất lượng cả về chiều rộng và chiều sâu:

- Đảm bảo hệ thống CNTT và các điều kiện kỹ thuật ổn định, thông suốt.

- Ưu tiên nguồn lực thực hiện hệ thống VNACCS/VCIS; Thực hiện mọi biện pháp hỗ trợ tối đa, kịp thời các doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan; kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh khi trong quá trình triển khai thực hiện vận hành hệ thống VNACCS/VCIS; Tiếp tục thống kê, rà soát, dự liệu các chức năng còn thiếu/chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý của hệ thống VNACCS/VCIS để kịp thời và báo cáo, đề xuất Tổng cục Hải quan hướng giải quyết.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác của cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện hệ thống VNACCS/VCIS.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan tại Việt Nam, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan đã xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn hai của dự án để bổ sung các chức năng còn thiếu và hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan điện tử:

- Đề nghị Chính phủ Nhật bản hỗ trợ Hải quan Việt Nam thực hiện chuyển giao các chức năng phục vụ yêu cầu quản lý hải quan.

- Ngành hải quan tiếp tục học hỏi, tiếp nhận về thiết kế, làm chủ kỹ thuật để có thể tự vận hành, bảo trì, phát triển và nâng cấp hệ thống, đặc biệt là nâng cao nguồn nhân lực về Quản lý rủi ro và Kiểm tra sau thông quan.

- Xây dựng các cơ chế phối hợp để xử lý nhanh các vướng mắc phát sinh của hệ thống về phần mềm ứng dụng cũng như bảo mật và vận hành hệ thống [15].

#### **\* Đối với Chi cục**

Phát huy những ưu điểm đạt được trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử thời gian qua, sẵn sàng đón nhận và thực hiện ngay khi có chỉ thị của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan Hải quan Thành phố Hải Phòng về triển khai thực hiện giai đoạn hai thủ tục hải quan điện tử, phấn đấu đạt hiệu quả cao nhất

### **3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KHU VỰC 3**

Quy trình thông quan điện tử là loại hình thủ tục mới được áp dụng tại Việt Nam trong những năm gần đây. Việc áp dụng loại hình thủ tục này đã mang



lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, ngành hải quan và xã hội. Thực hiện thủ tục hải quan điện tử thể hiện rõ sự cần thiết, yêu cầu hiện đại hóa ngành hải quan, yêu cầu của xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế. Việc quyết tâm thực hiện thủ tục hải quan điện tử thể hiện nỗ lực, thiện chí của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, là một trong những yếu tố, cơ sở để Việt Nam tham gia vào tổ chức thương mại thế giới.

Qua phân tích, đánh giá quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3, có thể nhận thấy thực hiện không phải là một công việc đơn giản, có thể thực hiện và hoàn tất ngay trong thời gian ngắn. Do đây là một mô hình thủ tục mới có nhiều ưu điểm nhưng để thực hiện nó, không chỉ có những thuận lợi mà còn đó những khó khăn, hạn chế cần phải giải quyết để hoàn thiện và phát triển trong thời gian tới. Từ những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 thời gian qua; điều kiện, khả năng của đơn vị, ngành hải quan. Để cải tiến quy trình thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KV3 cần thực hiện một số biện pháp sau:

### ***3.2.1. Biện pháp hoàn thiện về cơ chế, chính sách***

Luật hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014 đã có hiệu lực từ 1.1.2015, Nghị định 08/2015/NĐ-CP có hiệu lực từ 15/3/2015, tuy nhiên hiện tại Bộ tài chính vẫn chưa ban hành thông tư và các quy trình hướng dẫn. Đề xuất sớm ban hành thông tư và các quy trình hướng dẫn, nội dung của các văn bản này cần đưa vào các nội dung liên quan đến triển khai Hệ thống VNACCS/VCIS nhằm đảm bảo triển khai Hệ thống đầy đủ trong thời gian tới. Hoàn thiện và chuẩn hoá quy định pháp luật hiện hành bảo đảm đủ cơ sở pháp lý để vận hành cơ chế quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan, bảo đảm kiểm soát hải quan được thực hiện trước, trong và sau thông quan hài hoà, thuận tiện và chặt chẽ.

Mặt khác hoàn thiện các quy định pháp lý về các chế độ hải quan cụ thể: Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để quy định đầy đủ về các thủ tục cho: Nhập khẩu và xuất khẩu; quản lý kho ngoại quan, khu chế xuất và các

khu vực tự do thuế quan; các chế độ chấp nhận tạm thời; các thủ tục về quá cảnh, chuyển tải; các thủ tục đối với hành khách xuất nhập cảnh, bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh; thủ tục và chế độ quản lý phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh. Đảm bảo các chế độ hải quan đơn giản, hài hoà và tuân thủ các quy định của Công ước Kyoto sửa đổi và các chuẩn mực khác của WCO, bổ sung cơ chế bảo lãnh cho phù hợp với chuẩn mực quốc tế; minh bạch, thống nhất các chế độ ưu đãi thuế.

Chuẩn hóa các quy định về can thiệp bằng ngoại lệ và tuân thủ sau thông quan, Sửa các quy định về giá tính thuế để thực hiện đầy đủ Hiệp định trị giá GATT, xây dựng cơ chế kiểm tra phù hợp để ngăn chặn tình trạng gian lận qua giá. Sửa đổi hoàn thiện danh mục biểu thuế để thực hiện phân loại hàng hoá theo đúng nguyên tắc phân loại chung của tổ chức hải quan thế giới, tiến tới giảm bớt số lượng các mức thuế khác nhau tại biểu thuế. Đảm bảo duy trì tính ổn định của biểu thuế trong thời gian dài.

### ***3.2.2. Biện pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu***

Cải cách thủ tục hành chính hải quan là tiền đề cho khai thác hải quan điện tử trên toàn quốc, làm cơ sở để thực hiện hải quan một cửa quốc gia và một cửa ASEAN. Chi cục tổ chức rà soát và chuẩn hoá thủ tục về hải quan và các loại giấy tờ, hồ sơ; đơn giản từng bước, dần hình thành thủ tục hành chính mang tính thống nhất, dễ nhớ, dễ thực hiện và dễ kiểm tra. Các thủ tục được công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức để các tổ chức, doanh nghiệp biết và thực hiện thống nhất giúp giảm hẳn tệ quan liêu, sách nhiễu và loại bỏ tiêu cực. Tích cực triển khai kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 trong toàn Chi cục. Phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo ISO của Cục để hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện nhằm áp dụng, duy trì hiệu quả đồng thời cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001: 2008, phục vụ tốt cho cộng đồng doanh nghiệp.

Chủ động nghiên cứu, tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra giám sát Hải quan.

Tiếp tục triển khai chương trình doanh nghiệp ưu tiên. Áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt cho các doanh nghiệp có độ tuân thủ cao và có đóng góp số thu lớn trên địa bàn Thành phố Hải phòng. Phát triển hoạt động của đại lý hải quan; các quy định ràng buộc trách nhiệm giữa các bên liên quan; các chế tài xử lý khi có vi phạm.

### ***3.2.3. Biện pháp cải tiến về cơ sở vật chất kỹ thuật***

Vấn đề công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò thiết yếu để triển khai thủ tục hải quan điện tử. Để hoàn thiện và phát triển TTHQĐT trong thời gian tới, cần phải nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hiện tại bao gồm hệ thống mạng và hệ thống thiết bị, nâng cấp đường truyền, đảm bảo thông suốt trong quá trình hoạt động. Phải xây dựng hệ thống mạng dự phòng, phòng ngừa các trường hợp nghẽn mạch hoặc ngắt mạng vì lý do kỹ thuật hoặc vì các sự cố bất khả kháng, khắc phục được các lỗi của hệ thống, đường truyền, đảm bảo hệ thống vận hành liên tục, ổn định và an toàn. Đầu tư trang thiết bị mới, thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu, để phục vụ cho thực hiện thủ tục đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Nhanh chóng nghiên cứu và triển khai tích hợp và liên kết hệ thống VNACCS với các hệ thống khác như hệ thống giám sát E - CUSTOM, hệ thống tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển xuất nhập cảnh E - MANIFEST... hoặc xây dựng các hệ thống này thành một hệ thống thống nhất có chức năng xử lý toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ Hải quan. Đồng thời bổ sung chức năng hỗ trợ công tác giám sát, quản lý hàng hóa (các tờ khai vận chuyên, các danh mục miễn thuế, tờ khai tạm nhập tái xuất, tờ khai sửa đổi bổ sung sau thông quan, trừ lùi giấy phép; chức năng kiểm tra, xác định giá, thông tin cảnh báo của khâu trước cho khâu sau, cập nhật thời hạn nợ C/O, cập nhật hồ sơ vi phạm...), chức năng kết xuất dữ liệu nhanh chóng cho việc tập hợp số liệu báo cáo. Tạo điều kiện cho

việc quản lý, tra cứu, thống kê được thuận tiện, bớt thao tác của công chức hải quan, góp phần giảm thời gian làm thủ tục hải quan ở tất cả các khâu trong quy trình.

Trang bị máy tính mới thay thế cho các máy tính cũ, cấu hình thấp để việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử được thuận lợi.

#### ***3.2.4. Biện pháp cải tiến về phối kết hợp điện tử giữa ngành Hải quan và các Bộ, Ngành có liên quan.***

Tổng cục Hải quan tiếp tục phối hợp tốt với các Bộ, Ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, phối hợp trao đổi thông tin kịp thời với các đơn vị liên quan trong quá trình làm thủ tục. Trước mắt, Nhà nước nên triển khai Chính phủ điện tử đối với một số Bộ ngành như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Thương mại, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công An, Bộ Khoa học Công nghệ, là những Bộ, ngành có liên quan mật thiết với ngành Hải quan. Cụ thể khi thực hiện các bộ ngành có liên quan cập nhật các chứng từ cần thiết và hệ thống nội bộ và phải được kết nối với với cổng thông tin của ngành Hải quan để việc tra cứu được kịp thời, thuận lợi cho việc thông quan hàng hóa, có thể tra cứu trên hệ thống thông tin điện tử một cửa quốc gia việc kiểm tra thông tin cần thiết của tất cả các ngành có liên quan bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu để giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp mà không cần yêu cầu doanh nghiệp xuất trình các giấy tờ cho phép này. Khi thực hiện xong giấy phép, các bộ ngành có thể kiểm tra việc chấp hành của doanh nghiệp đối với giấy phép đã cấp theo thông tin phản hồi từ cơ quan Hải quan. Việc quản lý của các bộ ngành và cơ quan Hải quan vừa chặt chẽ, vừa thuận lợi cho doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp khi làm thủ tục, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho CBCC hải quan khi thực hiện nhiệm vụ.

Bổ sung các quy định thực hiện thanh toán thuế bằng phương thức điện tử, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan bao gồm Kho bạc, Ngân hàng, tổ chức tín dụng trong việc kết nối với hệ thống của cơ quan Hải quan.

### ***3.2.5. Biện pháp áp dụng các công cụ hỗ trợ hoạt động thông quan điện tử được hiệu quả.***

Áp dụng sâu rộng quản lý rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ hải quan, hình thành hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan tập trung, hiện đại, chất lượng cao. Phân đầu đến năm 2019, đạt các chỉ tiêu sau: tỉ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá tối đa 10%; tỉ lệ kiểm tra hồ sơ tối đa 15%, có 50% lô hàng được xác định kiểm tra thực tế trên cơ sở phân tích đánh giá rủi ro. Thống nhất áp dụng Danh mục rủi ro trong quản lý rủi ro đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại; ứng dụng kỹ thuật hồ sơ quản lý rủi ro làm nền tảng cho quá trình áp dụng quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại, áp dụng kết quả phân tích, đánh giá rủi ro trong việc phân luồng kiểm tra và chỉ dẫn rủi ro phục vụ kiểm tra trong thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại. Áp dụng tiêu chí rủi ro cần được xem xét, bổ sung hoàn thiện nhằm giúp phân luồng kiểm tra hải quan được chính xác, tạo điều kiện cho hàng hóa hợp pháp và tập trung quản lý đối với hàng hóa có nguy cơ sai phạm, đồng thời bổ sung các tiêu chí đánh giá các thông tin khai báo trùng lặp để ngăn chặn kịp thời các hành vi doanh nghiệp thực hiện để gian lận thương mại, trốn thuế, né tránh chính sách.

Bổ sung một số tiêu chí chưa có trên hệ thống như: cập nhật được nội dung thanh khoản tờ khai tạm nhập tái xuất trên hệ thống; nghiên cứu các trường hợp thuộc loại hình đặc thù theo quản lý như thủ tục hàng nhập, xuất kho ngoại quan... để việc thực hiện được tất cả các loại hình theo Thông tư 22/2014/TT-BTC và mở rộng hơn nữa là Nghị định 08/2015/NĐ-CP trên hệ thống điện tử để việc thực hiện thủ tục được toàn diện, thuận lợi cho việc quản lý thống nhất.

### ***3.2.6. Biện pháp xây dựng đối tác Hải quan - Doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử.***

Thực hiện phương châm của Tổng cục Hải quan về định hướng phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp là: “*Cam kết của Hải quan Việt Nam với cộng đồng DN và các bên liên quan về sự sẵn sàng hợp tác, xây dựng quan hệ đối tác trên cơ sở bình đẳng trước pháp luật, để tạo thuận lợi cho hoạt động*”

*thương mại và đảm bảo công tác quản lý Nhà nước về Hải quan*”. Để thực hiện thủ tục hải quan được nhanh chóng, đúng quy định tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan, Chi cục cần thực hiện:

Cơ quan hải quan phải cung cấp kịp thời cho các nhà nhập khẩu/đại lý khai thuê hải quan, hoàn thành và tiếp cận cập nhật các thông tin cần thiết theo các yêu cầu của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng khác tại biên giới để chuẩn bị tờ khai hải quan và giải quyết các yêu cầu về tài liệu dẫn chứng cho việc thông quan. Tại Chi cục thành lập Tổ tư vấn Hải quan - Doanh nghiệp, chịu trách nhiệm tham vấn cộng đồng Doanh nghiệp và các bên liên quan; Chỉ định đầu mối liên lạc giữa cơ quan Hải quan với Doanh nghiệp và các bên liên quan. Đồng thời công khai địa chỉ liên lạc của mỗi bên, thường xuyên cập nhật, bổ sung thông tin; thiết lập kênh thông tin phản hồi kết quả tham vấn cho các bên liên quan dưới hình thức báo cáo tham vấn và thông tin qua đường công văn, email, internet, hoặc bằng các tờ rơi, tài liệu hướng dẫn là chủ yếu để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của các doanh nghiệp.

Tuyên truyền phổ biến cho doanh nghiệp khi tham gia thủ tục thông quan điện tử cần phải chuẩn bị kỹ lưỡng một số vấn đề, trong đó đặc biệt quan trọng là hạ tầng CNTT và đội ngũ nguồn nhân lực. Ở đây, đối tượng doanh nghiệp được chia thành 03 nhóm: Đại lý thủ tục hải quan, hãng tàu/ đại lý vận tải và doanh nghiệp tham gia TTHQĐT.

Đối với nhóm đại lý thủ tục hải quan và doanh nghiệp tham gia TTHQĐT, cần phải chuẩn bị mạng máy tính kết nối mạng đủ mạnh để có thể cài đặt phần mềm truyền và tiếp nhận dữ liệu điện tử một cách nhanh chóng đến C-VAN (dịch vụ gia tăng truyền dẫn dữ liệu điện tử). Bên cạnh đó, đại lý thủ tục hải quan cũng cần phải đào tạo đội ngũ nhân lực tinh thông về nghiệp vụ hải quan để có thể thay mặt cho doanh nghiệp làm các thủ tục cần thiết trong việc thông quan hàng hóa. Một trong những vấn đề hết sức quan trọng, không chỉ đối với thủ tục hải quan mà đối với cả các doanh nghiệp và các hãng tàu là cần nghiên cứu xây dựng phần mềm và thiết lập thông số kỹ thuật theo chuẩn mà cơ quan hải quan đã công bố; đồng thời tập huấn cho nhân viên của mình tiếp cận

phần mềm và quy trình khai báo thủ tục mới. Ngoài ra, các hãng tàu cũng phải thông báo, khuyến khích và có cơ chế ràng buộc đối với các doanh nghiệp gửi hàng về việc cung cấp thông tin hàng hoá theo mốc thời gian nhất định nhằm giúp cho các hãng tàu có được thông tin cần thiết cung cấp trước cho cơ quan hải quan theo đúng quy định mà ngành Hải quan yêu cầu.

Trong thực tế, thời gian qua, các vấn đề vướng mắc liên quan đến TTHQĐT có một phần nguyên nhân không nhỏ là do các doanh nghiệp tham gia chưa chuẩn bị kỹ về cả phương tiện kỹ thuật lẫn con người. Do đó đã xảy ra nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện.

### ***3.2.7. Biện pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực.***

Xuất phát từ những hạn chế, tồn tại của nguồn nhân lực hiện tại của Chi cục, nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai mở rộng thủ tục HQĐT và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ cho các Doanh nghiệp, Chi cục cần chú trọng đến việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Nhìn chung, vấn đề xây dựng và phát triển nguồn lực là rất rộng lớn. Tuy nhiên, cụ thể xin đề xuất nội dung chủ yếu trong giải pháp này như sau: Đào tạo cán bộ công chức, trong đó chú trọng đào tạo để phù hợp với tiêu chuẩn quy định cho từng chức danh (lãnh đạo hoặc cán bộ nguồn thì cần phải đào tạo về lý luận chính trị, kiến thức quản lý hành chính nhà nước, ngoại ngữ, tin học các trình độ phù hợp cho từng chức danh, đảm bảo cho việc bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại); Đào tạo nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho công tác (đào tạo nghiệp vụ đối với công chức mới chưa qua đào tạo về nghiệp vụ hải quan, đào tạo với các nghiệp vụ chuyên sâu như giá tính thuế, mã số hàng hóa, kiểm soát chống buôn lậu, kiểm tra sau thông quan (KTSTQ), quản lý rủi ro (QLRR), phòng chống ma túy); đặc biệt đào tạo cho cán bộ công chức tham gia quy trình thủ tục HQĐT với các nội dung chủ yếu: Kiến thức về tin học, cách sử dụng các hệ thống chương trình đối với từng khâu công tác, nghiệp vụ về chuyên môn giá tính thuế, mã số hàng hóa, kiểm soát chống buôn lậu, KTSTQ, QLRR, ma túy, thương phẩm học, nghiệp vụ ngoại thương, vận tải bảo hiểm, thanh toán quốc tế, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán v.v, đào tạo về ngoại ngữ Anh tập trung về chuyên ngành Ngoại thương và Hải quan). Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả phục vụ cho các

doanh nghiệp, Chi cục cũng cần phải chú trọng việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ văn hóa giao tiếp cho cán bộ công chức thông qua các lớp bồi dưỡng về văn hóa giao tiếp, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện hình ảnh của đơn vị. Việc đào tạo nhằm mục đích nâng cao trình độ về mọi mặt cho CBCC để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao với chất lượng cao. Làm nền tảng cho việc thực hiện và phát triển TTHQĐT trong tương lai.

Song song với việc đào tạo cán bộ công chức, Chi cục nghiên cứu thực hiện việc sử dụng cán bộ công chức đúng, phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn được đào tạo. Sắp xếp việc phân công công chức từng thời điểm thực hiện thủ tục hải quan điện tử sao cho phù hợp và thuận lợi. Có chính sách ưu đãi hợp lý đối với từng công việc chuyên môn đặc thù để thu hút chất xám, người có trình độ chuyên môn cao đồng thời kỷ luật nghiêm khắc những trường hợp cán bộ công chức sai phạm, làm ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị và ngành. Có như vậy chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong đơn vị sẽ được nâng cao, khắc phục tình trạng tiêu cực, phiền hà trong quá trình làm thủ tục của cán bộ công chức hải quan và nâng cao hiệu quả quản lý của ngành Hải quan.



## KẾT LUẬN

Kinh tế Việt Nam đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ từ khi gia nhập thị trường thế giới. Kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ cao; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, cán cân thương mại, giao lưu quốc tế không ngừng gia tăng, Việt Nam đã gia nhập thị trường thế giới có những diễn biến phức tạp, khó lường. Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, Việt Nam dần trở thành mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giao thương quốc tế; hình thành ngày một nhiều các khu vực ưu đãi thuế quan, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao... Quá trình hội nhập khu vực, quốc tế đặt ra các yêu cầu mới cho công tác quản lý, từ việc xây dựng thể chế tạo hành lang cho hoạt động, đến hình thành tổ chức, bộ máy, cơ chế pháp lý, nguồn nhân lực triển khai, đổi mới cơ chế điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước ... thực hiện các cam kết, ràng buộc theo lộ trình đề ra. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo ra nhiều mối quan hệ trong thương mại, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội, làm xuất hiện nhiều mối quan hệ kinh tế mới, dẫn tới sự phức tạp và là thách thức cho công tác quản lý. Trước bối cảnh đó các cơ quan Hải quan trên thế giới đều phải thay đổi để thích ứng với tình hình mới, phức tạp nhằm mục đích vừa đảm bảo tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại quốc tế qua việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro, đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan hiện đại vừa phải đảm bảo việc chấp hành và tuân thủ các quy định của luật pháp hải quan nhằm đảm bảo an ninh, lợi ích kinh tế quốc gia, đảm bảo an toàn cho dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế. Việc thực hiện cam kết quốc tế đặt ra yêu cầu Hải quan Việt Nam phải tiến hành cải cách, hiện đại hoá nhằm đảm bảo sự phù hợp, tương thích với xu thế phát triển chung và hoà nhập với Hải quan thế giới và khu vực. Ngành Hải quan phải tiếp tục cải cách nhằm hướng đến mục tiêu tương đồng với trình độ quản lý hải quan các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Mục đích nghiên cứu của luận văn là hệ thống hóa cơ sở lý luận về thủ tục Hải quan điện tử; Đánh giá thực trạng qui trình thủ tục Hải quan điện tử đang áp dụng tại Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải

Phòng Khu vực 3, qua đó tìm ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những bất cập làm cơ sở đề xuất những biện pháp cải tiến quy trình thủ tục Hải quan đối với hoạt động nhập khẩu bằng phương tiện điện tử nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại nói chung và hoạt động hải quan tại Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Khu vực 3 nói riêng; Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời chống gian lận thuế, gian lận thương mại, tạo sự công bằng, bình đẳng cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan. Người viết hy vọng rằng nếu các giải pháp trên được thực hiện thì thủ tục hải quan điện tử tại Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Khu vực 3 nói riêng và Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng và các Cục Hải quan trên toàn quốc nói chung sẽ ngày càng hoàn thiện và phát triển mạnh mẽ hơn.

Nghiên cứu về thực hiện TTHQĐT tại Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng Khu vực 3 mà thực tế là quy trình thủ tục của ngành Hải quan đang thực hiện là một đề tài rộng, phức tạp, nên mặc dù người viết đã cố gắng nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong Quý thầy cô, các bạn đọc góp ý để người viết hoàn thiện đề tài, giúp bản thân người viết rút ra các bài học để ứng dụng trong thực tiễn công việc./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2001), *Luật Hải quan 29/2001/QH10* ngày 29/6/2001, Hà Nội.
2. Quốc hội (2005), *Luật Hải quan (sửa đổi, bổ sung) 42/2005/QH11* ngày 14/6/2005, Hà Nội.
3. Quốc hội (2014), *Luật Hải quan 54/2014/QH 13* ngày 23/6/2014, Hà Nội.
4. Quốc hội (2005), *Luật Giao dịch điện tử 51/2005/QH11* ngày 29/11/2005, Hà Nội.
5. Chính phủ (2012), *Nghị định số 87/2012/NĐ-CP* ngày 23/10/2012 quy định chi tiết một số điều của *Luật Hải quan về TTHQĐT* đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, Hà Nội.
6. Tổng cục Hải quan (2005), *Việt Nam tham gia công ước quốc tế về đơn giản và hài hòa thủ tục hải quan Kyoto*, Tài liệu Hội thảo Hà Nội.
7. Chính phủ (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP* ngày 21/01/2015 quy định chi tiết một số điều của *Luật Hải quan về TTHQĐT* đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, Hà Nội.
8. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg* của Thủ tướng Chính phủ, ngày 20/6 về việc thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử, Hà Nội.
9. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg* ngày 12/8/2009 sửa đổi bổ sung một số điều *Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg* ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm TTHQĐT, Hà Nội.
10. Bộ Tài chính (2005), *Quyết định 50/2005/QĐ-BTC* ngày 19/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định quy trình thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá XK, NK, Hà Nội.
11. Bộ Tài chính (2007), *Quyết định 52/2007/QĐ-BTC* ngày 22/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định về thí điểm thủ tục hải quan điện tử, Hà Nội.

12. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 222/2009/TT-BTC ngày 25/11/2009 hướng dẫn thi điểm TTHQĐT*, Hà Nội.
13. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 quy định TTHQĐT đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại*, Hà Nội.
14. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014 quy định TTHQĐT đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại*, Hà Nội.
15. Tổng Cục Hải quan (2017), *Báo cáo đánh giá dự án Vinacacs/Vcis*, Hà Nội.
16. Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3 (2017), *Báo cáo tổng kết năm 2017, các báo cáo tháng*, Hải Phòng.